**TUẦN 4 + 5**

*Ngày soạn: 5/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Hai (7/10/ 2024)*

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 10**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA HỌC SINH LỚP 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh tham gia chào chờ theo nghi thức trang trọng, nghiêm túc, thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ cha ông đã hi sinh xương máu để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc.

- Thể hiện thái độ vui vẻ, tích cực, hào hứng khi tham gia.

- Biết chia sẻ cảm xúc của mình về khoảnh khắc đáng nhớ trong những năm học tại trường.

- Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về sự trưởng thành của học sinh lớp 5 dưới mái trường Tiểu học.

- Có ý thức nghiêm túc trong lễ chào cờ, nhắc nhở bạn nêu cao tinh thần trách nhiệm của bản thân để tham gia lễ chào cờ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi chép, vật liệu phục vụ cho việc học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Thực hành | \* Chuẩn bị:  - GV và TPT Đội:  + Lựa chọn nội dung, chủ đề sinh hoạt dưới cờ.  + Thiết kế kịch bản, sân khấu.  + Chuẩn bị trang phục, đạo cụ và các thiết bị âm thanh, … liên quan đến chủ đề sinh hoạt.  + Luyện tập kịch bản.  + Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.  - Tổ chức chào cờ ngheo nghi thức.  - Sinh hoạt dưới cờ:  + Đánh giá sơ kết tuần, nêu ưu điểm, khuyết điểm trong tuần.  + Triển khai kế hoạch mới trong tuần.  + Triển khai sinh hoạt theo chủ đề “Em lớn lên mỗi ngày”  - GV khơi gợi những kỉ niệm trong thời gian HS học tại trường.  - Tổng kết, về lớp | - HS tham gia sinh hoạt.  - HS chia sẻ những khoảnh khắc đáng nhớ trong bốn năm học qua.  - HS biết thể hiện cảm xúc về những kỉ niệm khó quên. |

**Toán: Tiết 17**

**LUYỆN TẬP CHUNG ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được giá trị của chữ số theo vị trí trong số tự nhiên; viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số; xác định được số lớn nhất trong bốn số tự nhiên, phân số bé nhất trong bốn phân số đã cho; thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên; giải bài toán thực tế có đến bốn bước tính.

- Qua thực hành làm bài tập giúp HS phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề .

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học: “Ai nhanh, ai đúng”, GV đưa ra một số PS và yêu cầu HS tìm PS mới bằng PS đã cho.  VD: , ,…  - Nhận xét, tuyên dương.  - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?  - GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt vào bài mới | - HS chơi trò chơi: HS dựa vào PS đã cho có thể rút gọn hoặc nhân PS đó với một số tự nhiên khác 0 để được một PS mới bằng PS đã cho.  - = ,…  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, ghi bài |
| Thực hành | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc cá nhân đọc và trả lời nhanh  - GV mời HS trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS làm vào vở, sau đó 4 em lên bảng lớp làm, cả lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu để biết được bài toán có bốn bước tính.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung, tuyên dương  - GV nhận xét | - 1 HS đọc yêu cầu, lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc cá nhân, nhẩm trả lời nhanh  - HS trình bày:  a) D b) C c) A d) B  - 1 HS đọc yêu cầu, lớp lắng nghe.  - HS làm vở, sau đó 4 em lên chữa đặt tính rồi tính.  Kết quả: 507 456 ; 49 380 25641; 712  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).  - 1 HS đọc yêu cầu, lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu  - Đại diện các nhóm trình bày  (4 500 x 2 = 9 000 (đồng); 7 000 x 7 = 49 000 (đồng); 9 000 + 49 000 = 58 000 (đồng);  100 000 – 58 000 = 42 000 (đồng); 42 000 đồng).  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, sửa sai (nếu có) |
| Vận dụng | Bài 4  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV mời cả lớp suy nghĩ và làm bài.  - GV mời HS trả lời.  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Củng cố dạng giải bài toán bằng 4 bước tính  - GV nhận xét, tuyên dương, dặn dò. | - 1 HS đọc yêu cầu, lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc cá nhân vào vở  HS trả lời:  Nửa chu vi sân trường là:  84 : 2 = 42 (m)  Chiều dài sân trường là:  ( 42 + 8) : 2 = 25 (m)  Chiều rộng sân trường là:  42 - 25 = 17 (m)  Diện tích sân trường là:  25 17 = 1218 ( m2)  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 24**

**VIẾT: VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết được một báo cáo công việc theo dàn ý đã lập.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, VBT, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS: Hãy nhắc lại kiến thức cần nhớ khi viết báo cáo công việc?  - GV nhận xét và nhắc lại kiến thức: Khi viết báo cáo công việc cần đảm bảo yếu tố hình thức, nội dung (những ưu và nhược điểm)….  - GV giới thiệu bài mới, ghi tên bài học. | - 2 HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |
| Luyện tập | 1. Chuẩn bị  - GV mời 2 HS đọc 2 đề.  - GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. Viết báo cáo công việc theo 1 trong 2 để dưới dây:  Đề 1: Trong vai tổ trưởng hoặc lớp trưởng, báo cáo thầy cô về các hoạt động của tổ hoặc của lớp trong tháng qua.  Đề 2: Trong vai chi đội trưởng, báo cáo thầy cô Tổng phụ trách Đội về các hoạt động của chi đội trong tháng qua.  - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.  - GV mời HS làm việc theo nhóm, nêu được những ưu điểm và hạn chế:  Ưu điểm  + Những việc hoàn thành tốt  + Những kết quả vượt trội  + Những thành viên tích cực…  - Hạn chế  + Những việc chưa hoàn thành, lí do  + Những sai sót cần khắc phục  + Những thành viên cần cố gắng  - GV nhắc học sinh thực hiện các việc dưới đây trước khi viết báo cáo:  + Xem lại cách viết quốc hiệu, tiêu ngữ… Trong báo cáo mẫu ở hoạt động viết bài 6  + Thu thập số liệu để viết báo cáo theo đúng các hoạt động và kết quả có thực.  + Lập bảng biểu ra giấy trước khi viết báo cáo.  + Chú ý cách đánh số thứ tự các mục hoặc cách viết các dấu gạch ngang đê liệt kê các ý trong phần nội dung báo cáo.  2. Viết báo cáo  **-** GV cho HS làm việc cá nhân, viết báo cáo theo mẫu đã chọn và nội dung đã chuẩn bị.  - GV quan sát HS viết, ghi chép những nội dung cần góp ý.  3. Đọc soát và chỉnh sửa.  - HS làm việc nhóm: Đọc chéo bài cho nhau để sửa lỗi  - Chỉnh sửa báo cáo | - HS đọc. Cả lớp lắng nghe  - Lắng nghe  - HS làm việc theo nhóm  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện theo yêu cầu viết báo cáo vào vở.  - Nhóm thực hiện, đọc chéo để sửa lỗi cho nhau.  - Chỉnh sửa báo cáo |
| Vận dụng | - GV gọi HS đọc yêu cầu phận vận dụng  - GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lí, hiệu quả.  - Tổng kết bài học  + Em thích nhất điều gì trong bài vừa học.  + Em hãy nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần kiến thức tiếng Việt hoặc phần viết báo cáo.  + GV chốt lại các nội dung HS đã được học  - GV dặn dò HS: về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài tiếp theo. Chuẩn bị một tranh vẽ (tự vẽ hoặc sưu tầm) về một hành tinh trong tưởng tượng để mang đến lớp thực hiện phần Khởi động của bài sau. | - HS đọc thầm  Trao đổi với người thân:  a. Những hoạt động em đã tham gia trong tháng vừa qua.  b. Những mong muốn, dự định của em trong tháng tiếp theo.  - Lắng nghe  - Chia sẻ  - Ghi nhớ |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức: Tiết 4**

**BÀI 1. BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG,**

**ĐẤT NƯỚC (TIẾT 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.

- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

- Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

- Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

- Thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

- Thể hiện thái độ, việc làm biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - Giáo viên tổ chức cho học sinh xem video bài hát “Nhớ ơn anh Bộ đội” (sáng tác của Trương Duy Huyền).  - GV cùng HS chia sẻ nội dung và cảm xúc về bài hát.  + Các bạn nhỏ thích nhất điều gì ở anh bộ đội?  + Các bạn nhỏ sẽ làm gì để nhớ ơn anh bộ đội?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | - Học sinh xem bài hát, hiểu nội dung và chia sẻ cảm xúc cùng giáo viên.  + Các bạn thích anh đi đều bước.  + Các bạn nhỏ chăm học, chăm ngoan. |
| Luyện tập | 5. Xử lí tình huống  - GV mời HS làm việc nhóm, đọc tình huống, xây dựng kịch bản và đưa ra cách xử lí.  - Mời các nhóm đóng vai xử lý tình huống  - GV cùng lớp nhận xét | - HS làm việc nhóm 4, cùng đọc thông tin, thảo luận và đưa ra cách xử lí các tình huống, sau đó thóng nhất chọn ý kiến phù hợp nhất:  + Tình huống 1: Khuyên Sơn nên tham gia cùng các bạn và rủ các bạn về nhà chơi, trò cuyện, thăm hỏi ông.  + Tình huống 2: Páo nên nói với bạn: Đất nước đã hoà bình rồi nhưng vẫn cần có nhũng người lính bảo vệ đất nước, để đề phòng nguy cơ chiến tranh có thể xẩy ra. Mỗi người có một ước mơ khác nhau nhưng đều góp phần bảo vệ dựng xây đất nước, giữ gìn, phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước.  + Tình huống 3: Sử nên nói với các bạn: Nguồn tài trợ là có giới hạn, nhiều nơi có khó khăn cần sự giúp đỡ của các nhà tài trợ. Vì vậy không nên ỷ lại, trông chờ mà phải biết bảo vệ, gìn giữ cây cầu để được dài lâu.  + Tình huống 4: Thu nên nói với thầy, cô giáo và nhiều bạn hơn nữa để cùng chung tay giúp đỡ các em nhỏ. Thu có thể sắp xếp thời gian phù hợp để vừa học tốt vừa có thể chăm sóc, dạy dỗ các em nhỏ cùng với các bạn và gia đình bác Phú. |
| Vận dụng | 1. Liên hệ bản thân:  - GV tổ chức cho HS sắm vai MC, phỏng vấn các bạn trong lớp để thực hiện bài tập vận dụng số 1:  Hãy chia sẻ những việc em đã làm và sẽ làm để bày tỏ lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước.  2. Sáng tạo sản phẩm.  - GV tổ chức cho lớp làm việc cá nhân, thực hiện bài tập vận dụng số 2:  Hãy tạo một sản phẩm (Viết đoạn văn, vẽ bức tranh, thiết kế Poster,...) thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - Dặn dò về nhà. | - HS tham gia sắm vai và thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Các bạn trong lớp trả lời phỏng vấn, chia sẻ những việc em đã làm và sẽ làm để bày tỏ lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước.  - HS có thể làm trên lớp hoặc về nhà.  - Giờ học sau nộp sản phẩm và báo cáo kết quả với giáo viên.  - Lắng nghe, ghi nhớ |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức: Tiết 5**

**TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (việc đặc điểm cá nhân; giới tính, hoàn cảnh, dân tộc, …) của người khác.

- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

- Thể hiện được bằng lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. - Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc…

- Phát triển năng lực điều chỉnh hành vi: Có hành động, lời nói, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

- Nhân ái: Thấu hiểu, chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SHS. Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV giới thiệu trò chơi “Bạn ấy là ai?” và phổ biến luật chơi: GV mời một vài bạn HS đứng trước lớp mô tả ngoại hình, một tính cách, sở thích, của một bạn bất kì trong lớp để các bạn khác đoán xem đó là ai.  - Sau khi tổ chức trò chơi, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: trò chơi mang lại ý nghĩa gì cho chúng ta?  - GV nhận xét, kết luận, để dẫn vào bài mới: nét riêng của mỗi bạn về ngoại hình, tính cách, sở thích,... Cũng chính là điểm khác biệt của bạn so với những người khác. Ngoài đặc điểm cá nhân, ở ngoại hình, muỗi người xung quanh chúng ta còn khác biệt nhau về hoàn cảnh dân tộc,... Và những sự khác biệt ấy đều đáng quý phẩi chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt đó. Vậy vì sao cần phải tôn trọng những sự khác biệt đó? Cần có lời nói phẩi thái độ, ấy hành động như thế nào để thể hiện tôn trọng sự khác biệt? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay.  - GV ghi bảng tên bài | - HS lắng nghe, nắm bắt cách chơi và tham gia chơi  - Trò chơi nói lên rằng mỗi người đều có những sự khác biệt và sự khác biệt đó đều phải được tôn trọng để mang lại bầu không khí vui tươi, không kỳ thị, phân biệt.  - HS khác nhận xét, góp ý.  - HS lắng nghe.  - HS ghi vở |
| Khám phá | **1. Tìm hiểu một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu.  - GV chiếu tranh lên bảng để HS quan sát, đồng thời hướng dẫn HS quan sát các bức tranh.   * - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: * + Mỗi tranh nói về sự khác biệt ở khía cạnh nào? * + Nêu biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác trong mỗi trường hợp.   - GV cho các nhóm trình bày  - GV nhận xét, khen HS.   * - GV nêu YC: Kể thêm các biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác mà em biết. * - GV NX và kết luận: có rất nhiều sự khác biệt giữa mọi người với nhau, có thể khác biệt về ngoại hình, hoàn cảnh, dân tộc, giới tính. Và sự tôn trọng thường có những biểu hiện như hòa đồng với nhau, không kỳ thị, để phân biệt, động viên những bạn có hoàn cảnh kém may mắn,... * 2. Tìm hiểu vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người * - GV yêu cầu HS đọc thầm nội dung câu chuyện “cây cọ nhí” ở mục 2 phần khám phá trong SGK và mời HS đọc diễn cảm câu chuyện.   - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi rồi cho đại diện nhóm trình bày trước lớp:  + Thái độ của các cây cọ khác đối với cây cọ nhí thể hiện điều gì?  + Vì sao các cây cọ khác lại cảm thấy hối hận?  + Nêu những lý do cần phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.   * - GV NX, khen ngợi HS đã hiểu Tôn trọng sự khác biệt của người khác sẽ giúp chúng ta xây dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp, ấy thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh.   3. Thông điệp  - GV đưa thông điệp, YC HS đọc  - GV YC HS chia sẻ ý nghĩa của thông điệp  - GV nhận xét chốt kiến thức:  + Tôn trọng sự khác biệt được biểu hiện ở sự thấu hiểu, chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc.  + Mỗi người phải biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác để cùng nhau tạo dựng nên các mối quan hệ thân thiện, tốt đẹp với bạn bè và mọi người xung quanh. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát 4 bức tranh.  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi.    - Đại diện các nhóm trình bày:  + Mỗi trường hợp nói về sự khác biệt ở các khía cạnh khác nhau: về ngoại hình (tranh 1), về hoàn cảnh (tranh 2), về dân tộc (tranh 3), về giới tính (tranh 4).  + Tôn trọng sự khác biệt của người khác được thể hiện:  Trường hợp a: Minh động viên khi bạn tự ti vì có ngoại hình mập mạp.  Trường hợp b: nga vui vẻ chơi cùng bạn có hoàn cảnh kém may mắn hơn mình (bị khuyết tật).  Trường hợp c: Hoa mong muốn làm quen và tìm hiểu về trang phục truyền thống của các bạn dân tộc thiểu số.  Trường hợp d: khi bầu chọn Chi đội trưởng, Luân không phân biệt bạn nam hay bạn nữ.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - 3-5 HS nêu:  + Tôn trọng ý kiến phát biểu của bạn.  + Tìm hiểu phong tục của các nước khác trên thế giới.  + Chủ động làm quen với bạn mới, ...  - HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.  - 1 HS đọc trước lớp, HS khác đọc thầm  - HS thảo luận nhóm đôi TL câu hỏi và cử đại diện trình bày trước lớp:  + Thái độ coi thường của các cây cọ khác đối với cây cọ nhí thể hiện thiếu tôn trọng sự khác biệt của người khác.  + Vì các cây cọ đã nhận ra cọ nhí tuy nhỏ bé nhưng cũng có tác dụng và giá trị của riêng mình, đó là làm cho bức tranh của ông đó trở nên sinh động hơn.  + Cần tôn trọng sự khác biệt vì mỗi người có những nét riêng, không giống với những người khác và chính điều này tạo nên sự đa dạng của cuộc sống. Tôn trọng sự khác biệt của người khác sẽ giúp chúng ta xây dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1- 2 HS đọc, lớp đọc thầm  - 3 - 5 HS chia sẻ theo suy nghĩ cá nhân  - HS lắng nghe, ghi nhớ bài học |
| Vận dụng | - GV tổ chức cho HS chơi trò “Phóng viên nhí”.  - GV chọn một HS xung phong làm phóng viên, lần lượt hỏi các bạn trong lớp:  + Biết tôn trọng sự khác biệt mang lại điều gì tốt?  + Nêu việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt.  + Có khi nào bạn chứng kiến những lời nói, việc làm chưa thể hiện tôn trọng sự khác biệt?  + Bạn có suy nghĩ gì về điều đó?  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học, tuyên dương HS học tích cực.  - Dặn dò về nhà. | - HS tham gia chơi.  - 1HS làm phóng viên và hỏi cả lớp.  - 3-5 HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học: Tiết 6 + 7**

**HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH**

**BÀI HỌC STEM : TÁCH MUỐI RA KHỎI DUNG DỊCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Môn chủ đạo: Khoa học

- Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho.

- Thực hành tách muối hoặc đường ra khỏi dung dịch muối hoặc đường.

Môn tích hợp: Toán

- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng để thực hành cân, đo, đong, đếm, xem thời gian, mua bán với các đơn vị đo đại lượng và tiền tệ đã học.

- Thể hiện được phẩm chất trung thực, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm tạo trong thực hiện làm thí nghiệm và các hoạt động khác.

**II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

**1. Giáo viên**

- Các phiếu học tập, phiếu đánh giá theo nhóm

- Hình ảnh về các chất, hình ảnh hỗn hợp, dung dịch, phiếu đánh giá tiêu chí.

- Các nguyên liệu: Muối, nước.

- Dụng cụ: Đèn cồn, giấy thấm, cốc, thìa, que gạt, pipet nhựa, lưới tản nhiệt.

- Đoạn video về thực hành thí nghiệm tách muối ra khỏi dung dịch nước muối.

**2. Học sinh:** Que gạt, nước, giấy thấm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV mời một bạn lên điều khiển cùng đọc bài vè hỗn hợp.  Vè hỗn hợp  Lẳng lặng mà nghe  Tôi đọc bài vè  Hỗn hợp bạn nhé!  Ăn vào mát mẻ  Là salad xanh  Thanh đạm là anh  Lạc rang vừng đỗ  Tô chanh chút muối  Đánh đuổi họng đau  Bạn ơi đố nhau?  Từ đâu có muối?  - Sau khi đọc xong bài vè, bạn HS đặt câu hỏi: Các bạn hãy cho tớ biết nội dung bài vè là gì nào?  - GV khen tất cả HS khởi động rất hào hứng, hỏi đáp rất hay và trả lời đúng. | - HS đọc đồng thanh và đánh phách theo nhạc.  - HS trả lời |
| Khám phá | \* Hoạt động 1. Tìm hiểu Quy trình làm muối từ nước biển  - GV đặt vấn đề: Muối ăn là loại khoáng chất được sử dụng như một loại gia vị, có vai trò cực kì quan trọng với sức khoẻ và đời sống của chúng ta. Để hiểu được muối được làm ra như thế nào cô mời các em xem video để biết bà con nông dân vùng biển làm muối như thế nào nhé, sau khi xem xong chúng ta hãy nhớ và trình bày lại quy trình làm muối này.  - GV yêu cầu: Qua video và những thông tin trong sách. Hãy thảo luận nhóm 6 và hoàn thành cho cô phiếu bài tập sau, cô mời một bạn đọc.  - GV đặt câu hỏi:  + Ai xung phong lên trình bày nào.  + GV chiếu phiếu học tập của HS.  - Gợi ý: Quy trình làm muối biển gồm có hai công đoạn đó là cung cấp nước biển và kết tinh, thu muối. Hai công đoạn này, gồm có các bước: Dẫn nước biển lọc qua con mương, qua giếng, múc nước lên ruộng và phơi nắng. Cuối cùng là thu hoạch muối.  - GV đặt câu hỏi: Tại sao phải phơi nắng nước biển mới thu được muối?  - GV khen tất cả các HS. Qua phần thảo luận cô thấy các em đã hiểu được quy trình làm ra muối biển. Vậy bạn nào giỏi hãy dựa vào hình ảnh sau đây đóng vai một nhà khoa học giới thiệu lại cho các bạn nghe.  - GV khen HS đóng vai nhà khoa học rất tốt, chúng ta nổ một tràng pháo tay khen bạn nào.  - GV đặt vấn đề để dẫn dắt vào bài mới: Việc làm nước bay hơi để thu được muối người ta gọi là tách muối đấy. Vậy tách muối không cần ánh nắng mặt trời ta làm như thế nào? Để trả lời cho câu hỏi đó, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay: Tách muối ra khỏi dung dịch  - GV nêu: Để tách được muối chúng ta cần có tiêu chí cụ thể và đây là một tiêu chí. Cô mời bạn một bạn lên đọc.  + Tiêu chí sản phẩm:  \* Thu được 10g muối từ nước muối.  \* Sử dụng các dụng cụ đơn giản trong lớp để làm nước bay hơi mà không cần phơi nắng.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để đưa ra tiêu chí sản phẩm của nhóm.  - GV mời các nhóm lên trình bày tiêu chí của nhóm mình.  - GV nhận xét và yêu cầu HS điều chỉnh lại tiêu chí nếu cần.  - GV đặt vấn đề: Để giải quyết vấn đề này chúng mình cần phải hiểu về hỗn hợp và dung dịch.  \* Hoạt động 2. Hỗn hợp và dung dịch  - GV giới thiệu:Để hiểu được thế nào là hỗn hợp? Thế nào là dung dịch? Chúng ta cần làm hai thí nghiệm, đây là dụng cụ và vật liệu để các em thực hiện bao gồm: đường, muối ăn, nước; cốc, thìa nhựa, cân. Cô mời các nhóm trưởng lên nhận, đưa về cho nhóm mình.  - GV yêu cầu 1 bạn HS lên đọc Thí nghiệm 1: Hãy trộn muối và đường theo như gợi ý trong sách – trang 8 và hoàn thành phiếu học tập sau:  PHIẾU 1   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Khối lượng | Đường | Muối | Hỗn hợp | |  |  |  |   PHIẾU 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tỉ lệ khối lượng | Tỉ lệ muối | Tỉ lệ đường | |  |  |   - GV yêu cầu các nhóm thực hiện thí nghiệm.  - GV: Thời gian thảo luận đã hết. Cô thấy các nhóm làm việc rất tích cực, mời các em chia sẻ kết quả làm việc của nhóm mình.  **-** GVtuyên dương các nhóm thực hiện thí nghiệm rất tốt. Từ kết quả thí nghiệm, hãy so sánh tổng khối lượng đường và muối trước khi trộn với khối lượng trong cốc?  - GV đặt câu hỏi: Vừa rồi các em đã tạo được bao nhiêu hỗn hợp? Tỉ lệ muối và tỉ lệ đường trong các hỗn hợp khác nhau không?  - GV cầm cốc của một nhóm, nói: Muối và đường trong các cốc của các em tạo ra gọi là hỗn hợp muối đường. Khối lượng của hỗn hợp bằng tổng khối lượng của các chất có trong hỗn hợp. Trong mỗi hỗn hợp đều có tỉ lệ các chất nhất định.  **-** GV vừa nói vừa thực hiện: Chúng ta có thể thêm ớt, hạt tiêu vào trong cốc thì trong cốc này được gọi là hỗn hợp không?  - GV tiếp tục đặt câu hỏi: Vậy để có hỗn hợp ta cần có bao nhiêu chất trộn vào nhau?  - Các em có thể nhìn thấy được hạt muối, hạt đường ở trong cốc không?  - Các em có thể lấy riêng được muối (hoặc đường) ra khỏi hỗn hợp này không? Vì sao?  - Những hỗn hợp nào chúng ta có thể lấy riêng hoàn toàn được như ban đầu? Vì sao?  - Muối, đường, lạc, đỗ là các chất ở thể gì?  - Theo các em, hỗn hợp muối đường này có vị gì?  - GV giảng: Những hỗn hợp mà các em vừa kể ra là hỗn hợp do các chất rắn tạo thành. Nhưng cũng có những hỗn hợp được tạo bởi chất rắn và chất lỏng như: nước với cát hoặc chất lỏng với lỏng như nước với xăng. Vì cát và xăng không tan trong nước. Trong hỗn hợp các chất vẫn giữ nguyên tính chất ban đầu của nó (GV dán “Giữ nguyên tính chất” vào bảng).  - GV hỏi lại HS: Vậy các em hiểu thế nào hỗn hợp?  - GV dẫn: Vừa rồi các em đã tạo được hỗn hợp. Nếu ta cho đường vào nước hoặc muối vào nước rồi khuấy lên, thì có được gọi là hỗn hợp không? Chúng mình cùng làm thí nghiệm tiếp nhé.  \* Thí nghiệm tạo dung dịch:  - GV yêu cầu các nhóm: Bây giờ các em hãy tạo nước muối hoặc nước đường, theo yêu cầu sau trong 2 phút:  Dựa vào gợi ý trong sách – trang 9 và hoàn thành phiếu học tập:  PHIẾU 3   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Trước khi khuấy | Sau khi khuấy | | Muối trong cốc nước muối |  |  | | Đường trong cốc nước đường |  |  |   PHIẾU 4   |  |  | | --- | --- | | Khối lượng muối trong cốc nước muối | Khối lượng đường trong cốc nước đường | |  |  |   PHIẾU 5   |  |  | | --- | --- | | Tỉ lệ đường trong cốc nước đường | Tỉ lệ muối trong cốc nước muối | |  |  |   Lưu ý: Khi làm thí nghiệm cần ghi rõ tỉ lệ dung dịch.  - GV mời HS chia sẻ kết quả làm việc của nhóm mình.  - Khi trình bày HS cần báo cáo rõ kết quả tính tỉ lệ muối trong cốc của nhóm .  - GV khen gợi các nhóm: Cô khen các em đã làm thí nghiệm và chia sẻ rất sôi nổi, các nhóm đã trả lời rất đúng. Cô cũng có một câu hỏi cho các nhóm: Vị của nước trong cốc đường, trong nước muối trước và sau khi hòa tan đã thay đổi như thế nào?  - GV chốt: Muối, đường tan và phân bố đều trong nước tạo thành dung dịch gọi là dung dịch nước muối và dung dịch nước đường. Nước gọi là dung môi, đường và muối được gọi là chất tan. Khối lượng của dung dịch bằng khối lượng của chất tan và dung môi.  - Như vậy nước muối và nước đường được gọi dung dịch. (dán chữ: Dung dịch).  - GV cầm cốc hỗn hợp và cốc dung dịch, và nói: Theo các em hỗn hợp muối đường và dung dịch nước muối, dung dịch nước đường có điểm gì giống và khác nhau?  - GV đặt câu hỏi tiếp: Vậy em hiểu thế nào là dung dịch?  - GV: Dung dịch được tạo bởi hai hay nhiều chất, các chất được hoà tan và phân bố đều. Có thể là 1 chất lỏng và 1 chất rắn như đường và nước cũng có thể là hai chất ở thể lỏng như nước mắm và giấm nhưng điều quan trọng các con cần nhớ là, trong dung dịch phải có 1 chất lỏng, các chất còn lại phải hoà tan và phân bố đều trong chất lỏng đó.  (GV dán chữ: “Hai chất trở lên; Hòa tan, phân bố đều”)  - GV dẫn: Các em đã biết thế nào là hỗn hợp, thế nào là dung dịch rồi. Bây giờ chúng ta chuyển sang hoạt động tiếp theo để phân biệt hỗn hợp và dung dịch nhé!  \* Hoạt động 3: Phân biệt hỗn hợp và dung dịch  **-** GV chiếu hình ảnh và nói: Trên tay cô là bộ ảnh giống như bộ ảnh ở dưới bàn của các em. Bây giờ, hãy thảo luận nhóm, xác định xem trường hợp nào là hỗn hợp, trường hợp nào dung dịch. Thời gian thảo luận là 1’. Trong quá trình thảo luận, 2 nhóm nào có tín hiệu nhanh nhất sẽ được lên trình bày kết quả, các nhóm còn lại sẽ nhận xét. Các em đã sẵn sàng chưa. Thời gian thảo luận bắt đầu.  - GV mời 2 nhóm nhanh nhất lên báo cáo kết quả.  - GV hỏi: Vì sao dầu ăn và nước không phải là dung dịch?  - Qua hoạt động vừa rồi, cô thấy các em rất hiểu bài. Vậy làm thế nào để phân biệt được trong các hỗn hợp, đâu là dung dịch?  - GV đặt thêm câu hỏi: Em hãy kể thêm các hỗn hợp không phải là dung dịch mà em biết.  - GV đặt thêm câu hỏi: Con hãy kể thêm các dung dịch mà con biết.  - GV chốt – dẫn: Vừa rồi các em làm thí nghiệm rất tốt, hăng hái trao đổi và trả lời các câu hỏi rất chính xác | - HS xem video.  - HS đọc  - HS trình bày.  - HS suy nghĩ trả lời: Vì khi phơi nắng nước sẽ bay hơi còn lại muối ta sẽ thu được muối.  - HS giơ tay phát biểu.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm lên trình bày.  - HS lắng nghe và điều chỉnh tiêu chí nếu cần.  - HS lắng nghe.  - Nhóm trưởng lên nhận dụng cụ, vật liệu thí nghiệm.  - HS đọc yêu cầu trước lớp. Các HS khác lắng nghe.  - HS lấy dụng cụ và, đọc gợi ý SGK, làm thí nghiệm tạo hỗn hợp muối, đường.  - Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả.  - HS so sánh và trả lời.  - HS trả lời tỉ lệ muối, đường, theo nhóm đã làm.  - HS lắng nghe.  - Trong cốc cũng gọi là hỗn hợp nhưng gồm nhiều chất hơn.  - HS trả lời: Hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau  - Nhìn thấy được.  - Có thể lấy được nhưng khó vì các hạt đường, hạt muối quá nhỏ.  - HS lấy ví dụ: Hỗn hợp lạc đỗ vì các hạt đỗ, hạt lạc có kích thước lớn.  - HS trả lời.  - Hỗn hợp muối đường có vị mặn của muối và vị ngọt của đường.  - HS lắng nghe.  - Hỗn hợp là do hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau, trong hỗn hợp mỗi chất vẫn giữ nguyên tính chất của nó.  - HS lắng nghe.  - HS đọc và làm thí nghiệm  - Các nhóm lên báo cáo kết quả.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe.  - Hỗn hợp muối đường và dung dịch nước muối, dung dịch nước đường giống nhau là cùng được tạo từ hai chất trở lên. Điểm khác nhau, hỗn hợp muối đường là đường và muối vẫn nhìn thấy được. Còn dung dịch nước muối và dung dịch nước đường ta không nhìn thấy được đường và muối vì chúng đã bị hòa tan trong nước.  - HS trả lời  - Lắng nghe  - HS thảo luận nhóm.  - 2 nhóm lên trình bày.  - Vì dầu ăn không hòa tan trong nước và nổi trên mặt nước.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. |
| **TIẾT 2** | | | |
| Luyện tập | \* Hoạt động 4. Đề xuất ý tưởng và cách tách muối ra khỏi dung dịch  - GV mời một bạn đọc yêu cầu  - Đây là phiếu Đánh giá tiêu chí sản phẩm, mời một bạn đọc giúp cô.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiêu chí | Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Cần cố gắng | | Thu được muối |  |  |  | | Sử dụng các dụng cụ đơn giản để làm nước bay hơi mà không cần phơi nắng |  |  |  |   - GV hỏi: Các em đã hiểu nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí chưa?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để đưa ra tiêu chí: Để thực hành tách muối được tốt các em cần xây dựng tiêu chí riêng cho nhóm mình nhé.  - GV mời các nhóm lên chia sẻ tiêu chí của nhóm mình.  - GV chiếu các dụng cụ: Đây là hình ảnh một số dụng cụ của cô và các em đã chuẩn bị có trong gian hàng. Dựa trên tiêu chí và các dụng cụ đã có trong lớp. Các nhóm thảo luận phác thảo ý tưởng tách muối ra khỏi dung dịch trong thời gian 5p và lên trình bày.  - GV mời các nhóm lên chia sẻ ý tưởng thực hiện.  - GV mời các bạn trong nhóm khác góp ý.  - GV cho các nhóm điều chỉnh tiêu chí nếu cần.  \* Hoạt động 5. Tách muối ra khỏi dung dịch  - GV: Dựa vào bản ý tưởng, mỗi nhóm cử hai bạn lên lựa chọn đồ dùng, nguyên liệu có trong gian hàng để làm thực hành tách muối nào.  - Các em cần lưu ý: Trong khi thực hành, nếu thấy thiếu, các em có thể lên lấy thêm, Sử dụng lửa, đèn cồn, các thiết bị sử dụng điện cần phải cẩn thận, đảm bảo an toàn, phòng tránh cháy bỏng. Khi khuấy dung dịch phải đều tay, tránh bị đổ. Thời gian cho các nhóm làm thí nghiệm bằng một bản nhạc dài 20 phút, khi bản nhạc kết thúc cũng là hết thời gian làm thí nghiệm.  - GV quan sát hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.  - GV mời các nhóm lên báo cáo kết quả thực hiện.  \* Hoạt động 6. Báo cáo sản phẩm  - GV: Chỉ trong thời gian ngắn các nhóm đã hoàn thành thí nghiệm và thu được sản phẩm. Cô khen cả lớp. Bây giờ các em hãy cất những đồ dùng không cần thiết chỉ để lại sản phẩm và đồ dùng để mình trình bày thôi nhé.  - GV mời các nhóm lần lượt lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình, sau đó xếp sản phẩm thu được trên bàn**.**  - GV mời các nhóm khác tham gia đặt câu hỏi còn thắc mắc về cách làm của bạn.  - GV: Dựa theo tiêu chí đánh giá và góp ý của các bạn. Cô cho các nhóm thời gian 1p để thảo luận và đưa ra nội dung cần điều chỉnh cho các bước làm thí nghiệm để dạt được kết quả tốt nhất. Thời gian bắt đầu.  - GV kết luận: Qua phần thí nghiệm vừa rồi, các con đã biết tách muối ra khỏi dung dịch bằng các khác nhau và đã thu được muối. Cô khen các nhóm đã biết hợp tác, chia sẻ, trao đổi để thực hành thí nghiệm thành công.  - GV giảng:  + Trong thực tế ngoài tách muối, chúng ta có thể tách chất ra khỏi hỗn hợp theo phương pháp khác nhau, các em hãy về tìm hiểu và làm thí nghiệm thêm nhé.  + Cô rất vui khi các em đã làm thực hành tách muối rất thành công nhưng lượng muối trong dung dịch các em thực hiện cao hơn nhiều so với lượng muối trong nước biển, lượng muối trong nước biển chỉ chiếm khoảng 3,5% thôi, nghĩa là 100g nước biển chỉ có 3,5g muối. Vì vậy người dân cần mất 3 – 4 ngày dưới nắng to mới thu được muối. Làm ra muối rất vất vả nên chúng ta cần quý trọng và sử dụng muối hợp lý trong cuộc sống hằng ngày nhé! | - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS thảo luận xây dựng tiêu chí của nhóm.  - HS chia sẻ.  - HS thảo luận cùng nhau phác ý tưởng và trình bày.  - HS lên chia sẻ.  - HS các nhóm góp ý.  - Các nhóm điều chỉnh lại tiêu chí nếu cần.  - Đại diện mỗi nhóm 2 HS lên nhận đồ dùng, nguyên liệu.  - Các nhóm làm thí nghiệm.  - HS cất đồ dùng.  - Các nhóm báo cáo kết quả.  - HS các nhóm khác đặt câu hỏi  - Các nhóm thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |
| Vận dụng | GV tổng kết bài học:  - Sau tiết học, các em biết thêm điều gì?  **-** Trong tiết học, các em đã được vận dụng kiến thức của môn học nào ? | - HS lắng nghe và trả lời. |

*Ngày soạn: 5/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Ba (8/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 18**

**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ hai phân số (mẫu chung là tích hai mẫu số) và phép nhân, chia phân số; tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc với số tự nhiên và phân số*;* giải được bài toán vế tìm số trung bình cộng; viết được số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.

- Qua thực hành làm bài tập giúp HS phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Thực hiện phép tính:  + Câu 1: 4 755 + 2 368  + Câu 2: 9 871 - 685  + Câu 3: 356 x 2  + Câu 4: 768 : 4  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Câu 1: 7 123  + Câu 2: 9 186  + Câu 3: 712  + Câu 4: 192  - HS lắng nghe. |
| Thực hành | Bài 1  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV mời lớp làm việc nhóm: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung, tuyên dương.  Bài 2  - Mời HS đọc yêu cầu  - GV cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức  - Cho HS làm vở sau 2 em xung phong lên chữa bài, GV cho HS đổi chéo chữa bài  - Nhận xét  Bài 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.  - GV thu bài, nhận xét và đánh giá kết quả, tuyên dương.  - Củng cố: Viết số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - Chia nhóm thực hiện.  - Đại diện nhóm báo cáo  =  12: 12 =  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS nhắc thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức .  - Làm bài vào vở.  35 700 : 50 + 68 46 = 714 + 3 128 = 3 842  = = = =  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe.  - HS làm vào vở, sau đó lần lượt nối tiếp nêu kết quả:  3 mm = cm; 5 g = kg;  2 dm 7 cm = 2 dm;  30g =  6cm = 4m35cm =  52cm= ; 274 g =  5 kg 680 g =  750 m =  903 kg =  1 tấn 78 kg =  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). |
| Vận dụng | Bài 4.  - Gọi HS đọc bài toán  - Gọi HS tóm tắt  - GV mời cá nhân suy nghĩ và làm bài.  - GV mời HS trả lời.  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung  - GV tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặn dò về nhà | - 1 HS đọc, cả lớp lắng nghe.  Tóm tắt:  6 xe: 35 học sinh/ xe  9 xe: 40 học sinh/ xen  Trung bình mỗi xe: ? Học sinh.  - Lớp làm việc cá nhân.  Bài giải  Tổng số xe chở học sinh là:  6 + 9 = 15 (xe)  Số học sinh 6 xe chở là:  35 = 210 ( học sinh)  Số học sinh 9 xe chở là:  40 = 360 ( học sinh)  Trung bình mỗi xe chở số học sinh là:  (210 + 360): 15 = 38 ( học sinh)  Đáp số: 38 học sinh  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 25 + 26:**

**ĐỌC: HÀNH TINH KÌ LẠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Hành tinh kì lạ. Biết đọc đúng lời kể chuyện, lời nói của nhân vật với giọng điệu phù hợp.

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ;... nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,... trong việc xây dựng nhân vật và diễn biến câu chuyện. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Người máy có thể làm rất nhiều việc thay cho con người, nhưng những điều liên quan đến tình cảm, cảm xúc thì người máy không thể thay con người được. Ai cũng có tình cảm gắn bó với quê hương của mình.

- Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (biết cảm nhận về câu văn hay trong bài đọc).

**2. Phẩm chất**

- Biết quan sát và nhận xét về những điều quan sát được, biết thích nghi với hoàn cảnh mới.

- Biết cập nhật những thay đổi của thời đại để bản thân không ngừng hoàn thiện.

- Biết trân trọng và yêu quý nơi mình sinh sống, có tình cảm với quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV mời 2 HS đọc nôi tiếp bài Bộ sưu tập độc đáo và trả lời 1-2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài  - GV cho HS xem video Những sự thật thú vị về Hệ Mặt Trời  - GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: Em hãy giới thiệu một hành tinh mà em biết?  - Mời HS chia sẻ  - GV khen ngợi các HS có bài phát biểu hay, trí tưởng tượng phong phú.  - GV giới thiệu khái quát bài Hành tinh kì lạ, VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài Hành tính kì lạ *-* một câu chuyện viễn tưởng của nhà văn Viết Linh. Đây là một câu chuyện rất thú vị, nói về một chuyến đi lạc vào hành tinh kì lạ của nhân vật chính. Qua câu chuyện, các em sẽ được đên một hành tinh ngoài Trái Đất. Các em hãy để trí tưởng tượng của mình bay bổng để dễ dàng hình dung ra những điều mà các nhân vật đã gặp trên hành tinh đó. | - HS thực hiện  - HS theo dõi  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và nêu ý kiến trong nhóm. HS có thể mang tranh đã chuẩn bị để thuyết minh cho phần nói của mình. Các HS trong nhóm lắng nghe, trao đổi (hỏi lại những điều chưa rõ), góp ý, nhận xét phần nói của nhau. HS có thể nói về một hành tinh theo hiểu biết khoa học thực tế của mình, hoặc tưởng tượng thật phong phú, thoải mái nghĩ đến những điều khó có thể là sự thật trên một hành tinh nào đó. HS cũng có thể nói về một hành tinh trong mơ ước của mình (VD: Một hành tinh chỉ toàn động và thực vật, không có con người, không có nhà cửa, không có bất cứ cái gì nhân tạo, không khí vô cùng trong lành, dễ chịu; một hành tinh toàn màu hồng, nước màu hồng, cây màu hồng, đất cát bầu trời,... đều màu hồng, ở đó có sinh vật kì lạ sinh sống, sinh vật đó cũng màu hồng, có 1 mắt, 1 chân, 1 tay, di chuyển bằng đuôi và ăn bằng mũi,...).  - Đại diện 2-3 nhóm trình bày trước lớp.    - Lắng nghe. |
| Khám phá | 1. Luyện đọc  - GV đọc cả bài. Nêu giọng đọc (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật).  - Mời HS chia đoạn  - Gọi HS đọc nối tiếp đoạn  - GV hướng dẫn đọc:  + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: hành lang lửa, thám hiểm, buồng lái, rối loạn, sĩ quan, huých, dời non, lấp biển, nóng lắm, lạ thường, gốc rễ xù xì,...).  + Hướng dẫn HS cách đọc ngắt nghỉ ở những câu dài: Khi họ đưa chúng tôi vào thành phố,/ tôi quan sát những người xung quanh/ mới nhận ra khác biệt; Mỗi ngày mười giờ,/ một tuần mười ngày,/ mỗi tháng mười tuần,/ một năm mười tháng; Ở Trái Đất,/ 30 độ chưa nóng lắm,/ nhưng ở đây oi bức lạ thường,// mặc dù có rất nhiều cây.  + Đọc nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật: Giọng thông báo hào hứng nhưng phải kiềm chế để nói nhỏ: Người máy; Giọng pha trò: Chắc họ chỉ quen dời non, lấp biển.; Giọng nhỏ, chậm, suy tư: Thế là dài hơn hay ngắn hơn Trái Đất nhỉ?  - Cho HS luyện đọc theo nhóm  - Mời 1 số nhóm đọc  - GV cùng lớp nhận xét  2. Tìm hiểu bài  \* Tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:  - GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.  + Đáp xuống: hạ xuống và dừng lại.  + Sĩ quan:cán bộ thuộc lực lượng vũ trang (quân đội, cảnh sát, công an) của một quốc gia  \* Trả lời câu hỏi  - Mời HS đọc nối tiếp các câu hỏi  - Tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi trả lời các câu hỏi  - Tổ chức trò chơi Rung chuông vàng. Mỗi chiếc chuông tương ứng với một câu hỏi.  Câu 1.Tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.  Câu 2: Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?  Câu 3:Vì sao nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ Trái Đất?  Câu 4: Đóng vai một người máy trên hành tinh lạ, giới thiệu về hành tinh đó.  Câu 5. Kể tiếp phần kết thúc cho câu chuyện.  *-* GV cùng lớp nhận xét, tuyên dương sau mỗi câu trả lời  - Mời HS nêu nội dung bài đọc  - GV chốt nội dung: Người máy có thể làm rất nhiều việc thay cho con người, nhưng những điều liên quan đến tình cảm, cảm xúc thì người máy không thể thay con người được; Ai cũng có tình cảm gắn bó với quê hương mình. | - HS lắng nghe.  + Đoạn 1: Khi tàu vượt... hành tinh gần nhất.  + Đoạn 2: Cửa tàu hé mở... Trái Đất nhỉ?  + Đoạn 3: Tôi thì mải mê... sở hữu của tôi.  + Đoạn 4: Cái gì cũng hấp dẫn... mới được trở về?  - 4 HS đọc  - Đọc cá nhân  - Nghe hướng dẫn và luyện đọc  - Đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 4  - 2 – 3 nhóm đọc  - HS tìm và nêu. Nghe GV giải nghĩa  *-* 5 HS đọc  - Làm việc nhóm  - Tham gia trò chơi  - Chi tiết con tàu đang vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất.  - Con người: là người máy, có vẻ ngoài rất đặc biệt (da có nhiều màu, tay làm bằng thép).  + Cách tính thời gian: mỗi ngày mười giờ, mỗi tuần mười ngày, mỗi tháng mười tuần, một năm mười tháng.  + Máy móc: dọc đường toàn là máy móc làm việc; ô tô vừa chạy vừa bay và hoạt động theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân.  - Nhân vật “tôi” nhận ra trên hành tinh lạ này không có sự sống bình thường, mà tất cả chỉ là những đồ mô phỏng (qua chi tiết nhân vật “tôi” phát hiện ra cây đại thụ không phải là cây thật, mà chỉ là máy mang hình cây). Trên hành tinh này không có con người thật, chỉ có người máy. Không có cây cối thật, sinh vật thật, mà chỉ có máy móc mô phỏng. Điều đó khác xa với Trái Đất, nơi có sự sống tự nhiên, nơi có con người, có động vật, có cây cối,... và bao nhiêu tình cảm, cảm xúc được tạo ra từ sự sống tự nhiên đó. Nhân vật “tôi” đã quen thuộc với cuộc sống đó, vì vậy khi đến một hành tinh mà sự sống chỉ do người máy tạo ra, nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ quê hương của mình  VD: Xin chào các bạn! Chào mừng các bạn đến với hành tinh người máy. Nơi đây của chúng tôi chỉ toàn là những cỗ máy hoạt động không kể đêm ngày, chúng tự sửa chữa và tự nâng cấp để có thể không bao giờ hỏng hóc. Tôi cũng là một người máy! Bản thân tôi cũng có suy nghĩ, có cảm xúc, có tình cảm như con người. Tuy nhiên, khi Trái Đất không còn đủ chỗ sinh tồn, chúng tôi phải tự nghiên cứu ra một thế giới để tồn tại mà không có oxi, không khí và nước sạch. Các bạn hãy trân trọng cuộc sống hiện tại của mình, với những vật sống quanh bạn hàng ngày nhé  VD: Bỗng nhiên, loè sáng trước mặt tôi là một vị thần, ngài ta hỏi: “Hỡi con người, người đã hiểu vai trò của môi trường, thiên nhiên xanh chưa? Liệu có còn dám phá hoại cây rừng, thải ra không khí thật nhiều CO2 nữa không?”. Tôi choáng ngợp và bừng tỉnh: “Đúng rồi! Đây là tương lai của loài người khi không còn không khí sạch, mọi thứ ô nhiễm, cây xanh không còn, buộc con người phải tiến hoá lên một hình hài mới”. Tôi tự nhủ lòng mình và những người thân yêu sẽ bảo vệ Trái Đất, làm địa cầu ngày một thêm xanh  - HS nêu |
| Luyện tập | 1. Luyện đọc lại  - Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản.  - Giáo viên đọc mẫu.  - HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp. Bình chọn người đọc hay nhất.  2. Luyện tập sau văn bản đọc  \* Câu 1  - Mời HS yêu cầu  - Cho HS thảo luận theo nhóm  - Tổ chức Trò chơi Ai nhanh nhất cho các nhóm thi viết trên bảng lớp  - Tổng kết trò chơi, kết luận  \* Câu 2  - Mời HS yêu cầu  - Cho HS suy nghĩ nêu miệng    - Nhận xét  \* Câu 3  - GV nêu yêu cầu, cho HS tự suy nghĩ để viết tiếp câu đã cho, sử dụng đại từ thay thế.  - Mời HS chia sẻ  - GV cùng lớp nhận xét | - HS lắng nghe  - HS luyện đọc theo cặp.  - 2 – 3 HS thi đọc diễn cảm.  - 1 HS đọc  - Nhóm 2  - HS tham gia chơi: hành tinh, sao, thiên hà, Mặt Trời, Sao Thuỷ, Sao Kim, Sao Hoả, Trái Đất, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, Mặt Trăng,...  - Lắng nghe  - HS nêu  - Suy nghĩ, trả lời: Đại từ **tôi**, **chúng**. **Tôi** dùng để xưng hô, **chúng** dùng để thay thế.  - HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm lại câu văn và thêm đại từ để viết tiếp câu.VD: Tôi lại gần một cây đại thụ. Tuổi của nó còn lớn hơn tôi chắc tới sáu, bảy lần./Tôi lại gần một cây đại thụ. Thân của nó to tới mức phải tầm 5 người lớn nối tay nhau mới ôm xuể./Tôi lại gần một cây đại thụ. Tán của nó như một chiếc ô khổng lồ sừng sững một góc sân trường.  2 – 3 HS chia sẻ trước lớp. |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài trái đất. Chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu được.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà đọc lại bài chia sẻ với người thân. | - HS chia sẻ với người thân  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử và Địa lí: Tiết 8**

**BÀI 3: BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau bài học, học sinh:*

- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa)

- Có khả năng sưu tầm, đọc và kể lại một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

- HS biết được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- Yêu nước thông qua việc bày tỏ sự trân trọng những việc làm của các thế hệ trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- Trách nhiệm nâng cao ý thức cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông và tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

+ Tranh ảnh, tư liệu về biển đảo và công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

**2. Học sinh:**

- SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | - GV chiếu clip cho HS xem: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa.  <https://youtu.be/XZ4uto05c9E>  - GV dẫn dắt vào bài mới:  Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa đã thấm sâu vào lòng người dân mọi miền đất nước như một "bằng chứng sống" về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Lễ này không chỉ nhằm tri ân những người lính trong đội hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa năm xưa đã hi sinh để bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Tổ quốc. Để hiểu được những hi sinh vất vả của cha ông trong công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông thì bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nhé. | - Cả lớp quan sát tranh.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá** | **HĐ2: Công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam tại biển Đông**  - Bước 1:  GV tổ chức hoạt động nhóm, yêu cầu HS: vẽ sơ đồ tư duy về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông qua các thời kì: Chúa Nguyễn, triều Nguyễn, Pháp thuộc và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.  - Bước 2:  + Các nhóm dựa vào thông tin trong sách giáo khoa, thảo luận để thống nhất  nội dung trình bày.  + GV theo dõi quá trình làm việc của các nhóm và hỗ trợ khi cần thiết, khuyến khích các nhóm có thể tự sáng tạo hình thức phù hợp miễn là đảm bảo yêu cầu cần đạt.  - Bước 3:  + GV mời đại diện các nhóm lên bảng báo cáo kết quả làm việc, các nhóm lắng nghe, nhận xét, bổ sung ( nếu có)  Trong khi HS trình bày sản phẩm, GV nêu thêm các nhiệm vụ mở rộng để khai thác triệt để các thông tin trong sách giáo khoa.  + Chia sẻ điều em biết về đội Hoàng Sa.  + Nêu việc làm của triều Nguyễn trong việc thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa thông qua đoạn tư liệu trong sách giáo khoa.  - Bước 4:  + GV nhận xét hoạt động, sản phẩm trình bày của các nhóm.  *\* GV chốt kiến thức:*  - Thời Chúa Nguyễn, thế kỉ XVII, các Chúa Nguyễn cho lập đội Hoàng Sa và sau đó là đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản,…  - Triều Nguyễn tiếp tục xác lập chủ quyền bằng cách cắm cờ, dựng cột mốc,… trên quần đảo Hoàng Sa, cho vẽ Đại Nam nhất thống toàn đồ, trong đó thể hiện rõ quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là của Việt Nam.  - Thời Pháp thuộc, chính quyền Pháp đại diện cho chính quyền Việt Nam để thực hiện việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Người Pháp cho xây dựng bia chủ quyền, lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  - Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục có nhiều hoạt động bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông như: thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; ban hành các văn bản pháp luật, khẳng định chủ quyền biển, đảo; tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982;...đồng thời thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển đảo quê hương. | - HS thực hiện  Ví dụ:  A map with text and a sign  AI-generated content may be incorrect.  + Các nhóm dựa vào thông tin trong sách giáo khoa, thảo luận để thống nhất nội dung trình bày.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc  - HS theo dõi, lắng nghe  - HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập** | - Thực hiện trong 10 phút.  + Yêu cầu HS làm việc cá nhân câu 1 phần Luyện tập.  + HS thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý trong sách giáo khoa và vở.  + GV tổ chức HS trình bày kết quả.  + HS lắng nghe nhận xét, bổ sung (nếu có)  \* GV chốt: Tổ chức cho HS trao đổi bảng, KT chéo dựa theo bảng gợi ý. | - HS thực hiện yêu cầu.  - HS trình bày kết quả.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời kì** | **Hoạt động** |
| Các chúa Nguyễn | - Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản.  - Thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa. |
| Triều Nguyễn | - Cắm cờ trên quần đảo Hoàng Sa. Dựng cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa. – Vẽ Đại Nam nhất thống toàn đồ. |
| Thời Pháp thuộc | - Dựng bia chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.  - Lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.  - Thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. |
| Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | - Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo.  - Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.  - Thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **4. Vận dụng** | - GV hướng dẫn HS về nhà sưu tầm bài hát, bài thơ hoặc câu chuyện về biển, đảo và trình bày trước lớp ở buổi học sau.  - GV gợi ý cho HS một số ca khúc, bài thơ về biển đảo:  *+ Biển hát chiều nay (Sáng tác Hồng Đăng)*  *+ Nơi đảo xa (Sáng tác: Thế Song)*  *+ Vọng hải đăng (Nhà thơ Hữu Thỉnh)*  *+ Đoàn thuyền đánh cá (Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm)...*  - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  + GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet,...  + Thảo luận ngoài giờ học để thực hiện nhiệm vụ.  + GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.  + Nhận xét, đánh giá.  *\* Giáo dục HS biết được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông*  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | - HS làm theo hướng dẫn.  - HS tham khảo.  - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 7/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Tư (9/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 19**

**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ước lượng được và làm tròn số trong tính toán đơn giản.

- Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số tự nhiên và phân số.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**: SGK, vở, đồ dùng học tập theo bài học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức cho HS trả lời nhanh 1 số câu sau:  Câu 1: Làm tròn số đến hàng chục nghìn số sau: 23 456  Câu 2: Tìm phân số thích hợp: 5kg = ... yến  Câu 3: Tìm phân số thích hợp: 5 kg 600 g = ... kg  - GV nhận xét  - Dẫn dắt vào bài mới. | - HS quan sát, lắng nghe, trả lời nhanh  Câu 1: Làm tròn số đến hàng chục nghìn số sau: 23 456 là số: 23 000  Câu 2: Tìm phân số thích hợp:  5 kg = yến  Câu 3: Tìm phân số thích hợp:  5 kg 600 g = ... kg |
| Luyện tập | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - GV yêu cầu HS suy nghĩ sau đó trả lời nối tiếp, nêu cách làm từng trường hợp.    - GV nhận xét, tuyên dương  - Em được củng cố kĩ năng gì qua bài 1?  Bài 2  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 2  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm khai thác bài toán.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV giúp cho HS hiểu kết quả Bài toán phụ thuộc vào “ năm nay” là năm bao nhiêu?  - Củng cố kĩ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế.  Bài 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV yêu cầu HS làm bài giải vào vở  - Chiếu bài của một số HS, nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Bài tập giúp em củng cố kĩ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế. | - 1 HS đọc  - 1 HS nêu:  a) Làm tròn số 12 020 và 6 915 đến hàng nghìn được số 12 000 và 7 000.  Vậy kết quả phép tính 12 020 – 6 915 khoảng 12 000 – 7 000 = 5 000  b) Làm tròn số 36 070 và 23 950 đến hàng chục nghìn được số 40 000 và 20 000.  Vậy kết quả phép tính 36 070 + 23 950 khoảng 40 000 + 20 000 = 60 000  c) Làm tròn số 598 600 và 101 500 đến hàng trăm nghìn được số 600 000 và 100 000.  Vậy kết quả phép tính 598 600 – 101 500 khoảng 600 000 – 100 000 = 500 000  d) Làm tròn số 4 180 300 và 3 900 700 đến hàng triệu được số 4 000 000  Vậy kết quả phép tính 4 180 300 + 3 990 700 khoảng 4 000 000 + 4 000 000 = 8 000 000  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe  - Củng cố rèn kĩ năng làm tròn số để ước lượng kết quả phép cộng, phép trừ số tự nhiên.  - Lớp đọc  - HS làm việc theo nhóm, đọc đề bài, tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì, trước hết phải biết gì, phải làm phép tính gì?) rồi làm bài.  - Đại diện các nhóm trả lời.  Năm nay là năm 2024.  Năm kỉ niệm 600 năm năm sinh Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm là:  1491 + 600 = 2091  Kể từ năm nay, còn số năm nữa sẽ đến kỉ niệm 600 năm năm sinh Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm là:  2091 – 2024 = 67 (năm)  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc, cả lớp lắng nghe.  - HS phân tích và tóm tắt:  Tóm tắt  Có: 120 quả trứng  Lần thứ nhất: số trứng  Lần thứ hai: số trứng còn lại  Cả hai lần: ? quả trứng  - HS làm vào vở  Bài giải  Số trứng lần thứ nhất bán được là  120 × = 15 (quả)  Số trứng còn lại sau lần bán thứ nhất là:  120 – 15 = 105 (quả)  Số trứng lần thứ hai bán được là:  105 × = 30 (quả)  Cả hai lần cô Ba bán được số quả trứng là:  15 + 30 = 45 (quả)  Đáp số: 45 quả trứng  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe sửa sai (nếu có). |
| Vận dụng | Bài 4  - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở và thi đua bạn nào làm nhanh nhất sẽ tham gia chữa bài  - GV cùng HS đánh giá kết quả, tuyên dương  - GV cùng HS hệ thống bài học  - GV nhận xét tiết học  - Dặn dò bài về nhà | - HS nêu cách làm và làm vào vở a) 524 x 63 + 524 x 37 – 2 400 =  = 524 ( 63+ 37) – 2 400  = 524 100 – 2 400  = 52 400 – 2400 = 50 000  +  = () + = 1 + = + = = 2  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 27**

**VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÁO CÁO CÔNG VIỆC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Có ý thức tự giác trong học tập và vận dụng.

- Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu để trình chiếu nội dung bài học.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV chiếu một bản báo cáo công việc  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình.  - HS lắng nghe. |
| Luyện tập | 1. Đánh giá  - GV nhận xét chung về các bản báo cáo công việc HS đã viết nêu rõ ưu điểm, nhược điểm về nội dung, hình thức báo cáo, đặc biệt cách trình bày bảng biểu, số liệu trong báo cáo.  - GV chiếu một số báo cáo của HS; hướng dẫn HS nhận xét, góp ý  - GV góp ý chung và góp ý riêng cho một số HS khác  - Yêu cầu HS đọc lại báo cáo đã viết và tự phát hiện lỗi  - Yêu cầu HS đọc soát báo cáo cho nhau  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết  2. Chỉnh sửa  - GV mời một số HS đọc báo cáo của mình trước lớp; hướng dẫn cả lớp nhận xét, góp ý.  - GV góp ý chung và góp ý riêng cho một số HS khác (theo kết quả bài làm của HS).  - GV chốt những điểm HS cần lưu ý để viết được báo cáo đúng yêu cầu, thể thức, cách khắc phục lỗi đã mắc trong báo cáo vừa viết. | - Nghe GV nhận xét  - Quan sát báo cáo GV chiếu  - Nghe GV nhận xét  - HS đọc của mình  - Đọc soát để sửa lỗi cho nhau.  VD:  + Xem lại cách viết quốc hiệu, tiêu ngữ,... trong báo cáo (hoạt động Viết, Bài 6).  + Soát lại số liệu, đọc lại bảng biêu đã lập,...  + Đánh giá cách trình bày các nội dung công việc trong báo cáo (việc đánh số thứ tự các mục hoặc cách viêt các dấu gạch ngang hệt kê các ý,...).  - HS lắng nghe.  - HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, dựa vào những tiêu chí nêu trong sách, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của báo cáo mình đã viết. |
| Vận dụng | - GV mời HS đưa ra những tình huống cần viết báo cáo; Nêu phương án khắc phục hạn chế, phát huy điểm mạnh của bản báo cáo đã viết.  - GV yêu cầu chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài báo cáo  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS chia sẻ  - Ghi nhớ  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 28**

**NÓI VÀ NGHE: NHỮNG ĐIỂM VUI CHƠI LÍ THÚ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**-** Giới thiệu được một địa chỉ vui chơi lí thú và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc,... về nơi đó.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Biết trân trọng và yêu quý nơi mình sinh sống, có tình cảm với quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | cho HS xem video giới thiệu về địa điểm vui chơi.  - Hãy kể lại một địa điểm vui chơi mà em đã từng ghé thăm.  - Giới thiệu bài | - HS theo dõi |
| Luyện tập | 1. Chuẩn bị  - GV mời học sinh đọc yêu cầu  - GV đưa một số hình ảnh về khu vui chơi lí thú dành cho tuổi thơ.  - GV hướng dẫn cá nhân HS chuẩn bị các công việc:  + Chọn nơi vui chơi để giới thiệu (nơi đã đến hoặc đã thấy qua sách báo, phim ảnh,...).  + Nhớ lại những điều hấp dẫn về nơi vui chơi (quang cảnh, hoạt động vui chơi,...).  + Dự kiến các nội dung sẽ giới thiệu.  + Suy nghĩ, cảm xúc khi được đên nơi vui chơi đó  + Tìm các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh minh hoạ, video,...) khi giới thiệu nơi vui chơi.  - YC HS ghi chép ý kiến mình định phát biểu.  2. Trình bày  - GV gọi HS đọc yêu cầu nói và nghe.  - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cấu nói và nghe:  + Trao đổi theo nhóm 4.  + Lưu ý. Khi nói, cần thể hiện suy nghĩ, cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,... Khi nghe, nên ghi lại những điều thú vị mà em muốn học tập trong bài giới thiệu của bạn. Kết hợp sử dụng tranh ảnh, video,... để bài giới thiệu về nơi vui chơi thêm sinh động.  - HS dựa vào nội dung đã chuẩn bị để giới thiệu về nơi vui chơi mà mình đã đến hoặc muốn đến. VD:  + Giới thiệu chung (Tên nơi vui chơi và địa chỉ: Công viên Thông Nhất (Hà Nội), Cung Thiêu nhi Đà Nằng (Đà Nằng), Công viên Tao Đàn (Thành phố Hồ Chí Minh),... Lí do em biết đến nơi vui chơi đó: Em được bố mẹ đưa đến, em biết qua một bộ phim, qua một cuốn sách, biết qua tranh ảnh, qua sự kiện quảng cáo,...).  + Giới thiệu cụ thể (Quang cảnh: xung quanh nhiều cây xanh, nhiêu tiếng nói cười vui vẻ, người qua lại tấp nập,... Các hoạt động vui chơi: ca múa nhạc, diễn xiếc, trải nghiệm; đuổi bắt, đu quay, trượt ống nước,...).  + Những điều lí thú ở nơi vui chơi: cảnh ở nơi này đẹp, nơi này rất an toàn, gặp nhiều bạn, được tham gia nhiều trò chơi, có nhiều hoạt động bổ ích,...  - Mời đại diện nhóm trình bày  3. Trao đổi, góp ý.  - Lớp nhận xét, đánh giá bài giới thiệu về nội dung giới thiệu, trình tự nội dung giới thiệu, cách giới thiệu,...  - HS bình chọn người giới thiệu hay nhất, thuyết phục, tự tin nhất,...  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi những HS có bài giới thiệu công phu, thú vị. | - 1 HS đọc, lớp nghe  - Thực hiện ghi chép  - HS đọc  - Nghe HD  - Làm việc nhóm dựa vào HD  - Ví dụ: Ở gần nhà em có một công viên khá rộng, đây cũng là một trong những khu vui chơi giải trí cho mọi người trong thành phố. Hằng ngày em đều ra công viên để vui chơi nhưng chỉ có chủ nhật là em có nhiều thời gian để khám phá hết tất cả các trò chơi ở đây, em rất thích khoảng thời gian đó.  Khu vui chơi giải trí này nằm trong trung tâm của thành phố, ngay bên cạnh tượng đài Trần Hưng Đạo, khuôn viên của nó khá rộng lớn với chiếc hồ lớn ở giữa và bao bọc hồ là con đường lát gạch đỏ phẳng lí, hai bên ven đường được trồng những hàng cây cao tỏa bóng râm mát xuống đất.  Ở đây lúc nào cũng đông người, mọi người đến đây để vui chơi, giải trí và hóng mát trong những ngày hè nóng nực. Thu hút em ngay từ khi bước chân vào cổng là những tiếng hát phát ra từ những trò chơi đu quay, tàu lửa với màu sắc sặc sỡ, ngay cổng vào các bác bán hàng cho thuê xe máy điện, ô tô điện cho trẻ em, bạn nào cũng rất thích được ngồi trên chiếc ô tô và lái vòng quanh hồ. Bước vào trong sẽ thấy rất nhiều trò chơi dành cho trẻ em, nào xúc hạt, nào cốc xoay, nào tàu lượn trên không, nào xích đu…trò nào cũng gây hứng thú cho em và các bạn nhỏ. Em thích nhất là trò nhảy trên nhà hơi, một chiếc tòa lâu đài được thổi không khí vào bên trong, người chơi sẽ leo lên phía trên và tìm cách để thăng bằng, tiếng cười thích thú và phấn khích không ngớt, trên gương mặt ai cũng tỏ ra hồ hởi, đôi khi thấy lấm tấm trên trán những giọt mồ hôi nhưng không làm bớt đi vẻ rạng rỡ, vui vẻ của mọi người. Ở giữa hồ là từng chiếc thuyền thiên nga đang bơi lội đưa du khách đi tham quan một vòng hồ, trông sinh động và đẹp đẽ như một bức tranh vậy.  Đã được đến đây chơi rất nhiều lần nhưng em không hề thấy chán mà lần nào cũng rất hứng thú, nơi đây đã lưu giữ không biết bao nhiêu kỷ niệm của em và gia đình, chắc chắn sau này em cũng sẽ không bao giờ quên.  - Đại diện 2-3 nhóm trình bày trước lớp.  - HS nhận xét, đánh giá  - Bình chọn  - Lắng nghe |
| Vận dụng | - YC HS chia sẻ với người thân của em và trao đổi về nơi vui chơi thú vị nhất mà em muốn đến.  - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất. Chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu được.  - Nhắc HS:  + Có thể sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất trên sách báo hoặc internet. Ghi lại các thông tin thú vị để chia sẻ với người thân.  + Chia sẻ với người thân một thông tin thú vị mà em tìm hiểu được (kết hợp thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của em).  - Tổng kết bài học:  + Em thích nhất điều gì trong bài vừa học.  + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần kiến thức tiếng Việt hoặc phần viết báo cáo.  - GV chốt lại hôm nay HS đã được:  + Đọc – hiểu: Hành tinh kì lạ.  + Viết: Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc.  + Nói và nghe: Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.  GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 9 – Trước cổng trời. | - Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.  - Ghi nhớ  - HS chia sẻ |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 29**

**ĐỌC: TRƯỚC CỔNG TRỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Trước cổng trời,* biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

- Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành thơ mộng... qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,... Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống.

- Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV giới thiệu bức tranh chủ điểm và nêu câu hỏi:  + Bức tranh vẽ những gì?  - GV nhận xét và chốt: Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang khám phá thế giới xung quanh rộng lớn, tươi đẹp, chứa đựng bao điều mới lạ, bổ ích. Đó cũng là chủ điểm thứ hai của môn học Tiếng Việt: Thiên nhiên kì thú  - GV cho HS quan sát tranh và cho biết vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là “cổng trời"?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Bức tranh minh họa đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Hôm nay chúng ta sẽ đọc bài thơ Trước cổng trời để cảm nhận rõ hơn sự kí thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh muốn gửi đến chúng ta. | - HS quan sát bức tranh chủ điểm, làm việc chung cả lớp:  Bức tranh vẽ cảnh vật thiên nhiên có nhiều con vật, các bạn nhỏ đang khám phá thiên nhiên xung quanh.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát kĩ bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  + Cảnh vật trong bức tranh được gọi là “cổng trời” vì khung cảnh rất đẹp. Phía trên là bầu trời với những đám mây sà xuống. Hai bên là vách đá cao chót, có thác chảy xuống.  Bầu trời rất gần với mặt đất nên tưởng như cổng trời.  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | \* Luyện đọc  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.  - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia khổ thơ: 6 khổ (4 dòng thơ một khổ)  - GV gọi 6 HS đọc nối tiếp khổ thơ.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: ngút ngát, ngút ngàn, nguyên sơ,vạt nương, lòng thung,…  - GV hướng dẫn luyện đọc câu:  Giữa hai bên vách đá/  Mở ra một khoảng trời/  Có gió thoảng, mây trôi/  Cổng trời trên mặt đất?//  - GV HD đọc đúng ngữ điệu thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ đầu  - GV mời 6 HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV nhận xét tuyên dương.  \* Giải nghĩa từ.  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  + Nguyên sơ: vẫn còn nguyên vẻ đẹp như lúc ban đầu.  + Vạt nương: mảnh đất trồng trọt trải dài trên đồi, núi.  + Triền: dải đất thoai thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.  + Sương giá: sương lạnh buốt ( vào mùa đông).  \* Tìm hiểu bài  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời" theo hình dung của em.  + Câu 2: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?  + Câu 3: Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?  + Câu 4: Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?  + Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người. | - HS lắng nghe GV đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát và đánh dấu các khổ thơ.  - 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc    - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.  - 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ  - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi  + Khung cảnh cổng trời: Khoảng trời ở giữa hai bên vách đá cao, gió thoảng, mây trôi sà xuống, tạo nên một cảm giác thanh bình và tự nhiên.  + Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh như ngút ngàn sắc hoa, thác reo, đàn dê siu đáy suối, cánh rừng nguyên sơ, một cánh đồng mênh mông, lúa chín ngập lòng thung, và tiếng nhạc ngựa rung.  Trong số các hình ảnh này, hình ảnh về cánh đồng mênh mông với lúa chín là thú vị nhất vì nó tạo ra một hình ảnh rộng lớn và phong phú về sự sống và màu sắc tự nhiên.  + Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có điểm chung là họ đều thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày trong thiên nhiên. Người Tày, người Giáy, người Dao đều được mô tả trong việc gặt lúa, trồng rau, đi tìm măng và hái nấm, cho thấy sự gắn kết của họ với tự nhiên và cuộc sống bền vững theo mùa.  + Cảnh rừng sương giá trở nên ấm lên chủ yếu do sự giao hòa giữa ánh nắng chiều và gió thổi. Mặc dù có sương giá, nhưng ánh nắng và gió thổi tạo ra một không khí dễ chịu và ấm áp, làm cho cảnh vật trở nên ấm áp và tươi mới.  + Chủ đề bài thơ là thiên nhiên tươi đẹp và sự gắn kết của con người với thiên nhiên.  - HS tự rút ra nội dung bài học  - HS nhắc lại nội dung bài học. |
| Luyện tập | \* Đọc thuộc lòng  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng.  - Tổ chức cho HS thi đọc  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS học thuộc lòng cá nhân, tự học từng khổ, cả bài.  - Thi đọc thuộc lòng. |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - VD:  + Bài thơ rất hay, thiên nhiên thật đẹp  + Em rất thích vẻ hoang sơ, thơ mộng của thiên nhiên.  + Câu thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, người lao động cần cù, chăm chỉ.  - HS lắng nghe |

*Ngày soạn: 7/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Năm (10/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 20**

**KHÁI NIỆM VỀ SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được số thập phân; đọc, viết, cấu tạo số thập phân; So sánh, thứ tự số thập phân.

- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến số thập phân.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**: SGK, vở, đồ dùng theo bài học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn  + Cách chơi: Mỗi tổ cử ra 5 bạn trong thời gian 1 phút đội nào viết được đúng và nhiều các phân số thập phân hơn đội đó thắng cuộc.  + Tổ chức cho HS chơi  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - Nghe cách chơi  - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | a.  - Yêu cầu HS đọc tình huống, cả lớp suy nghĩ, HS trình bày theo hiểu biết.  - Rút ra nhận xét như phần a SGK  - GV: Từ việc đo độ dài với các đơn vị cm, dm được số đo là số tự nhiên, xuất hiện “nhu cầu” có loại số mới - số thập phân để viết các só đo trên theo đơn vị m.  b.  - HS đọc yêu cầu.  - Nêu kết luận theo em hiểu, đối chiếu sách giáo khoa  - Phân tích số 9,17 để HS hiểu cấu tạo số thập phân gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân số. Từ đó bước đẩu biết đọc, viết các số thập phân đó.  - Gọi HS phân tích thêm các số khác | - Cả lớp quan sát hình ảnh, đọc tình huống. HS suy nghĩ nêu hiểu biết  - 3 HS nhắc lại  - 2 HS đọc  - HS trình bày KL  - Theo dõi để năm cấu tạo, cách đọc, viết STP |
| Luyện tập | Bài 1  **-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1a  - GV yêu cầu cả lớp làm việc chung  - GV mời HS trả lời.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét  b) Đọc các số thập phân 0,4; 0,5; 0,04; 0,05 (theo mẫu).  - HS đọc nối tiếp, lớp theo dõi sửa sai nếu có. HS nhận biết phần nguyên, phần thập phân của số thập phân  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2  - Yêu cầu HS quan sát mẫu và làm theo nhóm đôi  - GV gọi HS trả lời  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc  - Cả lớp làm việc chung, thực hiện bài tập 1 trả lời miệng  - HS trả lời: Trên tia số các số cần điền: 0,4; 0,5, 0,6, 0,7  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).  - 4 HS đọc nối tiếp kết quả:  0,4 đọc là: Không phẩy bốn  0,5đọc là: Không phẩy năm  0,04 đọc là: Không phẩy không bốn  0,05 đọc là: Không phẩy không năm  - HS quan sát mẫu, phân tích mẫu và thảo luận với bạn  - HS trả lời kết quả:  1 kg = tấn = 0,001 tấn  564 m = km = 0,564 km  3,2 m = 3200 mm  4,5 kg = 4500 g  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). |
| Vận dụng | Bài 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài  - GV yêu cầu HS làm cá nhân, giải thích cách làm.  - Áp dụng cách viết: = 0,1 ; = 0,01  - GV đánh giá kết quả, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS đọc. Cả lớp lắng nghe.  - HS làm cá nhân, giải thích cách làm:  Kết quả: 132 mm = 13,2cm   1. = 1,65m   - 2 HS nêu phần nguyên và phần thập phân của 2 số 13,2 cm và 1,65 m  - HS nêu: Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên; những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân  - HS nêu thêm số thập phân có trong thực tế  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 30**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được từ đồng nghĩa.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống.

- Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi “Hái hoa” để khởi động bài học  1. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:  Giêng, Hai rét cứa như dao,  Nghe tiếng chào mào chống gậy ra trông  Nom Đoài rồi lại ngắm Đông  Bề lo sương táp, bề phòng chim ăn.  2. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những đoạn văn sau:  Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.  3. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:  Con tàu như mũi tên  Đang lao về phía trước  Em muốn con tàu này  Đưa em đi khắp nước  Ơi Tổ quốc! Tổ quốc!  - Nhận xét HS tham gia chơi  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS tham gia chơi  + Đáp án: Trông - nom  - Đáp án: Đất nước – nước nhà  - Đáp án: Nước – Tổ quốc  - Lắng nghe  - HS ghi bài mới. |
| Khám phá | \* Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu của PHT  - GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ bằng kĩ thuật Mảnh ghép*:* 1/2 lớp sẽ làm BT1, 1/2 lớp sẽ làm BT2  - GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  Bài 1:  - Đoạn thứ nhất có các từ có nghĩa gần giống nhau: khuân, tha, vác, nhấc.  → 4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/ chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.  Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật đó thay đổi vị trí.  + Khuân: khiêng vác đồ vật nặng;  + Tha: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ;  + Vác: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai;  + Nhấc: nâng lên, đưa lên cao hơn.  - Đoạn thứ hai có các từ có nghĩa giống nhau: ban mai, sáng sớm.  → 2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời.  Bài 2:  a. sắt đá  b. núi non  c. bình tĩnh  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình cho HS:  + Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…)  + Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.  - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS | - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS theo dõi  - HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| Luyện tập | \* Thực hành kiến thức về từ đồng nghĩa  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT3  - GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  - GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  c. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn và cấm.  g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay và đổi, hình và dạng.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT4  - GV tổ chức hoạt động nhóm đôi cho HS thực hiện nhiệm vụ trên.  - GV mời 1 – 2 HS đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả, các HS khác nhận xét  - GV nhận xét, chốt kết quả  Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn **bắt đầu** mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá **tốt tươi** tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất **no đủ**, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian **đói khát** của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng. | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ hoạt động.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến, các HS khác chú ý và nhận xét.  - Theo dõi |
| Vận dụng | - GV yêu cầu hs tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:  Lên rừng bắt tép kho cà  Xuống sông hái **quả** thanh trà về ăn  Lên rừng bắt con cá măng  Xuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...  (Ca dao)  - Nhận xét  - Mời HS nhác lại ghi nhớ về từ đồng nghĩa  - Nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của HS.  - Dặn dò bài về nhà | - HS làm việc theo nhóm  + Từ đồng nghĩa với quả: trái  + Từ đồng nghĩa với hổ: cọp, hùm,…  + Từ đồng nghĩa với mang: đem  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại  - Lắng nghe |

**Khoa học: Tiết 8**

**ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ.**

**SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

- Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** máy tính, máy chiếu. Hình ảnh, video. Phiếu học tập

**2. Học sinh:** SGK, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK kết hợp cho HS xem video “Chú quạ thông minh”.  - Yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi: Theo em, con quạ có thể uống nước được không? Vì sao?  - GV mời một số học sinh chia sẻ.  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Nhờ có viên sỏi mà quạ đã uống được nước. Viên sỏi tồn tại ở dạng rắn và không bị tan trong nước. Vậy đặc điểm của chất ở các trạng thái khác nhau như rắn, lỏng, khí sẽ như thế nào? Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất”. | - Cả lớp quan sát, theo dõi  - HS chia sẻ. VD: Con quạ có thể uống nước được. Vì khi thả viên sỏi vào bình thì nước trong bình sẽ dâng lên cao hơn so với ban đầu.  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | 1. Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí  a. Phân biệt ba trạng thái của chất  - GV yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận nhóm 4: Sắp xếp các chất: muối ăn, hơi nước, nhôm, ni-tơ, nước uống, dầu ăn, giấm ăn, ô-xi, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường) vào vị trí thích hợp theo bảng gợi ý dưới đây.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trạng thái rắn | Trạng thái lỏng | Trạng thái khí | | ? | ? | ? |   - GV tổ chức HS chơi trò “Ai nhanh hơn”  + GV mời đại diện 2 nhóm tham gia trò chơi, các nhóm còn lại làm trọng tài. GV chia bảng lớp thành 2 phần.  + Mỗi đội chơi lên bảng luân phiên viết các tên chất vào các cột tương ứng. Đội nào xong trước có nhiều kết quả đúng là đội thắng cuộc.  - GV cùng lớp nhận xét các đội chơi, mời các nhóm tìm thêm các chất ở mỗi trạng thái.  - GV chốt kiến thức: Chất tồn tại ở ba trạng thái: rắn, lỏng và khí  - GV cho HS xem thêm hình ảnh ví dụ về ba trạng thái của chất  b. Hai đặc điểm cơ bản của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí  - GV chia lớp thành 6 nhóm chuyên gia, tổ chức dạy học theo trạm: Ở mỗi trạm, HS quan sát hình để trả lời câu hỏi và ghi kết quả theo mẫu bảng gợi ý.  Nhóm 1 và nhóm 4:  + HS quan sát phần không khí trong bơm tiêm và trong bóng bay ở hình 2 để trả lời câu hỏi: Chất ở trạng thái khí có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?  + HS tiếp tục quan sát vị trí của ruột bơm tiêm ở hình 3 để trả lời câu hỏi: Chất ở trạng thái khí chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?  Nhóm 2 và nhóm 5:  + HS quan sát hình dạng của nước khi thay đổi vật chứa ở hình 4 để trả lời câu hỏi: Chất ở trạng thái lỏng có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?  + HS tiếp tục quan sát để so sánh số mi-li-lít nước trong ống đong và bình tam giác ở hình 4 để trả lời câu hỏi: Chất ở trạng thái lỏng chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?  Nhóm 3 và nhóm 6:  + HS đọc thông tin, quan sát hình 5 để nhận xét đặc điểm về hình dạng của chất ở trạng thái rắn.  + HS tiếp tục quan sát mức nước trước và sau khi thả viên đá ở hình 6 và trả lời câu hỏi: Chất ở trạng thái rắn chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?  - GV yêu cầu các nhóm 1, 2, 3 và 4, 5, 6 di chuyển tạo thành các nhóm mới có đủ các nội dung thảo luận từ nhóm chuyên gia và trình bày trong nhóm mới.  - GV mời đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung.  - GV nhận xét và chốt kiến thức:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trạng thái | Hình dạng | Chiếm khoảng không gian | | Khí | Không xác định và có hình dạng của vật chứa | Không xác định | | Lỏng | Xác định | | Rắn | Xác định | Xác định | | - HS đọc thông tin, thảo luận nhóm.  - Đại diện HS luân phiên tham gia trò chơi, hoàn thành bảng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trạng thái rắn | Trạng thái lỏng | Trạng thái khí | | Muối ăn, nhôm, thủy tinh | Nước uống, dầu ăn, giấm ăn | Hơi nước, ô – xi, ni – tơ |   - HS lấy thêm ví dụ về các chất ở mỗi trạng thái:  + Trạng thái rắn: Bánh mì, sắt, cốc,...  + Trạng thái lỏng: Sữa, xăng, coca,...  + Trạng thái khí: Khói, hi-đờ-rô,...  - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.  - HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu của GV, hoàn thành bảng:  + Kết quả quan sát hình 2, 3:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trạng thái | Hình dạng | Chiếm khoảng không gian | | Khí | Không xác định/có hình dạng của vật chứa | Không xác định |   + Kết quả quan sát hình 4:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trạng thái | Hình dạng | Chiếm khoảng không gian | | Lỏng | Không xác định/có hình dạng của vật chứa | Xác định |   + Kết quả quan sát hình 5, 6:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trạng thái | Hình dạng | Chiếm khoảng không gian | | Rắn | Xác định | Xác định |   - Sau khi HS di chuyển về các nhóm mới để trình bày phần thảo luận trong nhóm.  - Đại diện một nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức. |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: Người ta đã vận dụng đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn trong trò chơi xếp hình ở hình 7?  - GV nhận xét, khen ngợi HS có câu trả lời tốt.  - GV yêu cầu cá nhân HS suy nghĩ trả lời câu hỏi: Con quạ trong hoạt động mở đầu đã làm gì để nước dâng lên trong bình? Lượng nước dâng lên thể hiện rõ đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn?  - GV cùng HS nhận xét và bổ sung.  - GV nhận xét, chốt kiến thức: Trong cuộc sống có rất nhiều tình huống cần dựa vào đặc điểm của chất để giải quyết vấn đề.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học theo nội dung Em đã học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Dặn HS ôn tập kiến thức đã học.  - Về nhà tìm hiểu sự biến đổi trạng thái chất, chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm cho Tiết 2. | - HS suy nghĩ, trả lời: Người ta đã vận dụng đặc điểm chất rắn có hình dạng xác định trong trò chơi xếp gỗ.  - HS lắng nghe.  - HS suy nghĩ, trả lời: Để mực nước trong bình dâng lên, con quạ đã gắp sỏi cho vào bình chứa nước. Lượng nước dâng lên thể hiện rõ chất ở trạng thái rắn chiếm khoảng không gian xác định.  - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe và chuẩn bị cho tiết học sau. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử và Địa lí: Tiết 9**

**DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.

- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

- Kể tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Phát triển được năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua việc nêu số dân và kể tên một số dân tộc ở Việt Nam; kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Phát triển được năng lực tìm hiểu Địa lí thông qua việc sử dụng biểu đồ hoặc bảng số liệu để so sánh quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á, nhận xét sự gia tăng dân số.

- Phát triển được năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động cá nhân, cặp đôi và nhóm.

- Bồi dưỡng các phẩm chất: nhân ái, tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc Việt Nam; chăm chỉ, ham học hỏi, tìm tòi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng số dân. Biểu đồ, lược đồ. Một số hình ảnh về dân cư, phiếu học tập.

**2. Học sinh:** SGK,đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS xem đoạn video tin tức thời sự về dân số Việt Nam.  - Yêu cầu HS nêu lại những thông tin mình biết được qua đoạn video.  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Để tìm hiểu sâu hơn về dân cư và dân tộc, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: Bài 4– Dân cư, dân tộc ở Việt Nam (tiết 1) | - Cả lớp theo dõi, lắng nghe.  + Việt Nam có dân cư đông đúc…  + Việt Nam có nhiều dân tộc khác nhau sinh sống.  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | 1. Tìm hiểu về quy mô dân số.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát Bảng dân số các nước Đông Nam Á năm 2021 SGK tr.20 làm việc với lược đồ và thực hiện nhiệm vụ sau:  + Cho biết dân số của nước ta năm 2021.  + So sánh số dân nước ta năm 2021 với các quốc gia trong khu vực.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - GV nhận xét  - GV hỏi thêm câu hỏi mở rộng:  + Nước nào có số dân đông nhất Đông Nam Á?  + Nước ta có dân số đứng thứ mấy Đông Nam Á?  - GV nhận xét, đánh giá  - GV cho HS xem video “Dân số Việt Nam chạm ngưỡng 100 triệu người”  <https://youtu.be/sD-giQaSeNU>  2.Tìm hiểu về gia tăng dân số  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục, biểu đồ hình 1 về số dân Việt Nam giai đoạn 1991 - 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:  + Cho biết số dân của nước ta năm 2021 tăng bao nhiêu nghìn người so với năm 1991.  + Nêu một số ảnh hưởng của gia tăng dân số ở nước ta.  - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ 1 qua quan sát biểu đồ:  + Quan sát các cột thể hiện số dân có chiều hướng cao lên liên tục hay thấp đi.  + Dựa vào con số ở trên cột để tính được số lượng tăng lên từ năm 1991-2021 (30 năm).  + Tính trung bình mỗi năm tăng lên bao nhiêu nghìn người  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, kết luận: Dân số nước ta tăng khá nhanh. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số có xu hướng giảm. (do thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình, nhiều cặp vợ chồng có xu hướng sinh 1 con)  - GV mời HS trình bày nhiệm vụ 2  - GV nhận xét  - GV cho HS xem thêm một số hình ảnh về tác động của dân số đến kinh tế – xã hội và môi trường ở nước ta  - GV cho HS xem video về “Tăng trưởng dân số thế giới và tác động tới kinh tế toàn cầu”  <https://youtu.be/LnUOEVJ_95w> | - HS đọc thông tin và tìm hiểu bảng số liệu  + Dân số Việt Nam năm 2021 là 98 504 nghìn người (98,5 triệu người).  + Dân số nước ta năm 2021 ít hơn 2 quốc gia Indonesia và Philippines.  + Dân số nước ta năm 2021 nhiều hơn so với Thái lan, Myanmar, Malaysia, Cam-pu-chia, Lào, Singapore, Timor-Leste, Brunei.  - 1 số HS chia sẻ thông tin  - Indonesia có dân số đông nhất Đông Nam Á là 273 753 nghìn người.  + Dân số nước ta đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á.  - HS theo dõi  - HS đọc thông tin, nghe GV hướng dẫn  - HS trình bày  + Dân số Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021 tăng lên liên tục.  + Từ năm 1991 – 2021 (30 năm) dân số Việt Nam tăng thêm 31 262 nghìn người.  + Trung bình mỗi năm dân số Việt Nam tăng khoảng 1 triệu người.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chia sẻ trước lớp  + Thuận lợi: Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.  + Khó khăn: trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục... đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.  - HS lắng nghe  - HS theo dõi |
| Vận dụng | - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”  + Câu 1: Nước nào có số dân ít nhất Đông Nam Á?  + Câu 2: Bình quân mỗi năm dân số Việt Nam tặng lên bao nhiêu triệu người?  + Câu 3: Dân số nước ta năm 2011 là bao nhiêu triệu người?  - GV nhận xét, tuyên dương  - Dặn dò chuẩn bị bài học sau | - HS tham gia trò chơi  - Bru-nây  - 1 triệu người  - 88 146 triệu người  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 9/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Sáu (11/10/ 2024)*

**CÔNG NGHỆ: Tiết 3**

**BÀI 2: NHÀ SÁNG CHẾ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Sau bài học, học sinh:**

- Hiểu và nhận thức được vai trò của sáng chế trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.

- Năng lực tự chủ, tự học: HS được khuyến khích tìm hiểu về vai trò các sáng chế được sử dụng trong gia đình và đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có ý tưởng cải tiến sản phẩm phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS trả lời tương tác với giáo viên để lĩnh hội tri thức và biết phối hợp, làm việc với bạn để giải quyết các nhiệm vụ được giao trong tiết học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn các sáng chế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | - GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng” để khởi động bài học.  - Cách chơi: GV lần lượt đưa ra các câu hỏi để HS trả lời:  **+ Câu 1:**  *Thân dài đầu nhọn có bi*  *Nếu đè lên giấy chữ thì ra ngay*  *( Là cái gì)*  ***+ Câu 2:***  *Mình khối chữ nhật*  *Chia thành hai ngăn*  *Thực phẩm, rau xanh*  *Luôn tươi sạch sẽ*  *(Là cái gì)*  - GV nhận xét, khen HS tham gia chơi  - Những đồ vật trong câu đố các em vừa trả lời có ích lợi gì cho cuộc sống của con người  GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Bút bi, tủ lạnh là những sản phẩm được sáng chế trong đời sống hàng ngày của con người. Vậy sáng chế là gì? Để hiểu rõ vai trò của sáng chế trong đời sống thì chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay: “Nhà sáng chế” | - HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi  + Câu 1: Bút bi  + Câu 2: Tủ lạnh  - Bút dùng để viết, tủ lạnh giúp bảo quản thực phẩm được lâu hơn.  - HS lắng nghe |
| **2. Khám phá** | **Hoạt động khám phá 1. Vai trò của sáng chế trong đời sống**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm 4: quan sát hình 1 và thực hiện nhiệm vụ tương ứng trong sách vào phiếu  A close-up of several objects  AI-generated content may be incorrect.  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Hoạt động luyện tập 1.**  - Yêu cầu HS đọc yêu cầu phần hoạt động luyện tập  Hỏi: Ngoài những sáng chế ở hình 1 các em còn biết những sáng chế nào khác và vai trò của sáng chế đó đối với đời sống con người?  - GV nhận xét, tuyên dương  **Hoạt động khám phá 2.**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi: quan sát hình 2 và trả lời câu hỏi:  + Trong hình 2 nhắc đến sáng chế nào?  + Sáng chế đã làm công nghệ thay đổi và phát triển như thế nào?  GV nhận xét, tuyên dương  *Chốt: Nhờ sáng chế các sản phẩm công nghệ được cải tiến ngày càng hiện đại hơn, mang lại nhiều tiện ích hơn cho con người.*  **Hoạt động luyện tập 2.**  - Yêu cầu HS đọc yêu cầu phần hoạt động luyện tập và thảo luận nhóm đôi  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác nhận xét  GV nhận xét, tuyên dương  Kết luận: Ghi nhớ (SGK trang 10) | - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu   |  |  | | --- | --- | | **Sáng chế** | **Vai trò** | | Cách treo cuộn giấy vệ sinh với đầu cuộn giấy ở phía trên | Thuận tiện cho việc lấy giấy,… | | Bóng đèn điện | Chiếu sáng, sưởi ấm,… | | Giấy viết | Dùng để viết, lưu trữ thông tin,… | | Guồng nước | Đưa nước vào ruộng, chạy máy phát điện,… |   - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - HS trả lời nối tiếp. Ví dụ: Máy bay giúp con người di chuyển nhanh hơn,…  + HS trả lời  - Lắng nghe  - HS đọc và thảo luận nhóm đôi  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Nhận xét, bổ sung  - HS đọc |
| **3. Vận dụng** | + Trò chơi kể tên các sáng chế trong thực tế cuộc sống  + Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt tổng thời gian 2 phút.  + Mỗi lần đưa ra đáp án đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều đáp án đúng nhất nhóm đó thắng cuộc.  - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | + Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.  + HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CÔNG NGHỆ: Tiết 4**

**BÀI 2: NHÀ SÁNG CHẾ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**Sau bài học, giúp học sinh:**

- Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.

- Năng lực tự chủ, tự học: Khuyến khích HS tìm hiểu thông tin về các nhà sáng chế trong lịch sử loài người

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có ý tưởng cải tiến sản phẩm phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS trả lời tương tác với giáo viên để lĩnh hội tri thức và biết phối hợp, làm việc với bạn để giải quyết các nhiệm vụ được giao trong tiết học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng các nhà sáng chế, trân trọng các sáng chế mà họ đóng góp cho xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | - GV cho HS xem video câu chuyện “Nhà bác học và bà cụ” để khởi động bài học và trả lời câu hỏi.  *+ Câu chuyện nói đến nhà bác học nào?*  *+ Ê-đi-xơn sáng chế ra cái gì trong câu chuyện?*  *+ Đèn điện, xe điện có vai trò gì đối với đời sống con người?*  GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: | - HS xem video và trả lời câu hỏi  + Ê-đi-xơn  + Ê-đi-xơn sáng chế ra đèn điện, xe điện  + HS trả lời theo hiểu biết  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá** | **Hoạt động khám phá 1.**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh quan sát hình 3 SGK và thảo luận nhóm 4 vào phiếu  A collage of pictures of men and a bicycle  AI-generated content may be incorrect.  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Hoạt động khám phá 2.**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc thông tin về các nhà sáng chế trong SGK thảo luận theo nhóm đôi theo tổ điền vào phiếu.  Tổ 1: Giêm-oát  A person with a picture of a person  AI-generated content may be incorrect.  Tổ 2: Tô-mát Ê-đi-xơn  A person in a suit and bow tie  AI-generated content may be incorrect.  Tổ 3: A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo  A person with a beard and a white beard  AI-generated content may be incorrect.  Tổ 4: Các Ben  A close-up of a person with a mustache  AI-generated content may be incorrect.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.  - Ngoài những nhà sáng chế nêu trên em còn biết những nhà sáng chế nào khác?  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: Trong lịch sử loài người có rất nhiều sáng chế đã làm cho cuộc sống của con người hiện đại hơn, văn minh hơn. | - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.   |  |  | | --- | --- | | **Tên nhà sáng chế** | **Sáng chế** | | a)  Giêm-oát | 2. Động cơ hơi nước được cấp bằng sáng chế năm 1784 | | b) Các Ben | 4. Ô tô được cấp bằng sáng chế năm 1886 | | c) A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo | 3. Điện thoại được cấp bằng sáng chế năm 1876 | | d) Tô-mát Ê-đi-xơn | 1. Bóng đèn sợi đốt được cấp bằng sáng chế năm 1879 |   - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.  A person in a black hat  AI-generated content may be incorrect.A person in a suit and bow tie  AI-generated content may be incorrect.  A person with a beard and a white beard  AI-generated content may be incorrect.  A close-up of a person with a mustache  AI-generated content may be incorrect.  Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.  - HS trả lời theo hiểu biết.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | + GV chiếu cho HS xem video “*tốp 10 phát minh vĩ đại nhất trong lịch sử loài người”*  - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | + Học sinh xem video  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: Tiết 21**

**BÀI 10: KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa, đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Số? 564m = ... km  + Câu 2: Số? 4,6kg = .... g  + Câu 3: Số? 132 mm = ...cm  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 0,564  + Trả lời: 4600  + Trả lời: 13,2  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | **-** GV cho HS quan sát phần a, nêu các câu hỏi:  + Có mấy hình vuông (mỗi hình có 100 ô nhỏ) màu xanh?  + Hình vuông tiếp theo có mấy cột, mấy cột được tô màu cam?  + Hình vuông cuối cùng có bao nhiêu ô vuông nhỏ, mấy ô được tô màu cam?  - GV chốt: Số gồm 2 đơn vị, 3 phần mười, 8 phần trăm viết là 2,38; đọc là Hai phẩy ba mươi tám.  **-** GV cho HS quan sát phần b, nghe GV giới thiệu:  - Số gồm 3 trăm, 2 chục, 5 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 1 phần nghìn viết là 325,431; đọc là: Ba trăm hai mươi lăm phẩy bốn trăm ba mươi mốt  - GV cho HS viết vào bảng và đọc.  - GV hướng dẫn: Trong số 325,431 thì phần trước dấu phẩy gọi là phần nguyên phần sau dấu phẩy gọi là phần thập phân; sát bên dấu phẩy gọi là hàng phần mười, kế hàng phần mười là hàng phần trăm, kế hàng phần trăm là hàng phần nghìn.  - GV cho HS nêu lại phần nguyên, phần thập phân, hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn.  - Cho HS nêu cách viết, đọc số thập phân?  - GV nhận xét, chốt quy tắc:  + Muốn viết một số thập phân, trước hết viết phần nguyên, viết dấu phẩy, sau đó viết phần thập phân.  + Muốn đọc một số thập phân, trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu phẩy, sau đó đọc phần thập phân. | - HS quan sát phần a và trả lời:  + 2 hình.  + Có 10 cột trong đó 3 cột tô màu cam.  + Có 100 ô vuông nhỏ, trong đó có 8 ô tô màu cam  - HS viết và đọc  - HS lắng nghe.  - HS viết và đọc.  - HS nêu  - 2-3 HS nhắc lại quy tắc |
| Luyện tập | Bài 1  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS làm việc cá nhân.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)  Bài 2  - Mời HS đọc YC  - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.  - GV thu bài, nhận xét vở  - Mời HS chữa bài  - Nhận xét | - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.  - HS làm việc cá nhân  - HS báo cáo kết quả.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)  - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi  - Làm bài cá nhân  - HS nối tiếp trình bày.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| Vận dụng | **-** GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.  Chọn số thập phân thích hợp với mỗi phân số thập phân (theo mẫu).  - Cách chơi: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 4 HS. GV hô bắt đầu thì HS trong nhóm chạy lên bảng nối. Nhóm nào làm đúng và nhanh nhất là đội chiến thắng. Thời gian chơi tư 2-3 phút.  - GV tổ chức trò chơi.  - Đánh giá tổng kết trò chơi.  - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. | - HS lắng nghe trò chơi.  - Các nhóm lắng nghe luật chơi.  - Các nhóm tham gia chơi.  - Các nhóm rút kinh nghiệm. | |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 12**

**SINH HOẠT LỚP: KHẢ NĂNG KIỂM SOÁT CẢM XÚC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh nhìn thấy và thể hiện được cảm xúc của bản thân.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

- Cảm thấy tự tin và thể nghiệm cảm xúc tích cực sau khi hoạt động, có động lực học tập và rèn luyện tốt hơn nữa trong năm học cuối cấp.

\* GD quyền con người: Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân.

**II.** **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị các tấm bìa các-tông, bìa màu, bút màu,..

**2. Học sinh:** SGK, VBT, bìa các- tông, bút màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hoạt động tổng kết tuần | - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần tới .  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt. | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn chưa có ý thức học tập tốt. |
| Chia sẻ thu hoạch sau trải nghiệm | \* Nhận xét khả năng kiểm soát cảm xúc của em.  - GV mời HS làm việc theo nhóm và đưa ra các ý kiến:  + Dựa vào các tiêu chí của ba bước kiểm soát cảm xúc, HS tự đánh giá mình theo gợi ý của tình huống trong SGK trang 15.  - GV mời nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV kết luận:  + Kiểm soát cảm xúc là kĩ năng không thể có ngay được mà cần rèn luyện hằng ngày.  + Các em cần lưu ý ba bước đã trải nghiệm, mỗi ngày nhìn lại ình để tự nhận xét cách mình đã kiểm soát cảm xúc và biết tự điều chỉnh cảm xúc để mang lại niềm vui, hạnh phúc cho bản thân và cho những người xung quanh.  - GV liên hệ GD quyền con người: Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân.  - Tổ chức cho HS sáng tác thông điệp về khả năng kiểm soát cảm xúc.  - Mời đại diện trình bày  - Nhận xét | - HS lắng nghe nhiệm vụ.  - HS tự đánh giá mình theo gợi ý của tình huống trong SGK trang 15.  - HS đưa ra mục tiêu rèn luyện để kiểm soát cảm xúc.  + HS tự đưa ra mục tiêu rèn luyện tiếp theo để kiểm soát cảm xúc tốt hơn bằng cách viết vào tờ bìa và chia sẻ với các thành viên trong nhóm.  - HS trình bày  - Lắng nghe  - Nhóm thảo luận sáng tác thông điệp về khả năng kiểm soát cảm xúc.  - Đại diện nhóm trình bày.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS hoàn thiện thông điệp về kiểm soát cảm xúc để chia sẻ với người thân và bạn bè.  - GV mời cả lớp cùng đọc vang thông điệp về cảm xúc.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS hoàn thiện thông điệp về kiểm soát cảm xúc dể chia sẻ với người thân và bạn bè.  - HS đọc thông điệp.  - HS tự đánh sau chủ đề **“**Em lớn lên mỗi ngày” theo các tiêu chí trong SGK trang 15. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: Tiết 22**

**BÀI 10: KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa, đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi “Đố nhau” để khởi động bài học.  Luật chơi: Một HS nêu một số thập phân sau đó được chọn một HS khác nêu phần nguyên, phần thập phân, các hàng trong số thập phân. Sau đó bạn lai nêu một số thập phân khác và chọn một HS để trả lời. Làm tương tự trong thời gian 3 phút  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| Thực hành | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nối cho chính xác  - GV mời HS trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV hướng dẫn HS: Nhân cả tử số và mẫu số của phân số đã cho với cùng một số tự tự nhiên để được phân số có mẫu số là 100; 1000; ...  - GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời.  - Yêu cầu HS nêu cách làm.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.  - GV mời HS trả lời.  - GV HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc, cả lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nối cho chính xác  - HS trình bày.  Bốn trăm mười lăm phẩy hai: 415,2  Bảy mươi mốt phảy tám mươi tư: 71,84  Không phẩy chín trăm ba mươi lăm: 0,935  Ba phẩy một nghìn bốn trăm mười sáu: 3,1416  - 1 HS đọc, cả lớp lắng nghe.  - Làm việc nhóm  - Đại diện các nhóm trả lời.  =  =  =  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).  - 1 HS đọc, cả lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.  - HS trình bày.  ; đọc là: Bốn phẩy tám  ; đọc là: Một phẩy hai mươi lăm  ; đọc là: Không phẩy không trăm ba mươi chín  - HS nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, sửa sai (nếu có) |
| Vận dụng | Bài 4  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời cả lớp suy nghĩ và thảo luận theo nhóm 4.  - GV mời đại diện nhóm trả lời.  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV cùng HS hệ thống nội dung giờ học  - Dặn dò bài về nhà. | - 1 HS đọc, cả lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc nhóm 4  - Đại diện nhóm trả lời:  + Từ bốn thẻ trên ta có các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số là: 0,27; 0,72; 2,07 ; 2,70 ; 7,02 ; 7,20  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 31**

**VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống.

- Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV gọi HS nêu các kiểu bài văn miêu tả đã học.  - GV nhận xét, mời HS tổng hợp ý kiến trước lớp.  - Yêu cầu cần đạt với dạng văn miêu tả ở các lớp:  + Lớp 2: Viết được 4 – 5 câu tả 1 đồ vật.  + Lớp 3: Viết được đoạn văn ngắn tả đồ vật.  + Lớp 4: Viết được bài văn tả con vật, tả cây cối.  - Yêu cầu HS nêu những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn, bài văn miêu tả  - GV nêu nội dung tiết học: Các em được tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tức là tả cảnh đẹp thiên nhiên). Có 2 tiết Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh. Trong tiết thứ nhất này, các em tìm hiểu cách tả phong cảnh qua bài văn Đà Lạt. | - HS nêu các kiểu bài miêu tả đã học.  - HS tổng hợp các ý kiến  + Quan sát để tìm đặc điểm riêng của sự vật được miêu tả.  + Lựa chọn từ ngữ, cách viết câu để nêu bật đặc điểm riêng của sự vật.  - Lắng nghe |
| Khám phá | 1. Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.  - Mời HS đọc yêu cầu 1  - GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn *Đà Lạt* và trả lời lần lượt 4 câu hỏi a, b, c, d.  - Tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm đôi  - GV nêu câu hỏi gọi HS trả lời. GV cùng lớp nhận xét sau từng câu trả lời  + Câu a. Bài văn này tả gì?  + Câu b*.* Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài. Nêu nội dung chính của mỗi phần.  - GV nhấn mạnh: Bài văn có mở bài chỉ bằng 1 câu – câu mở đầu bài văn, kết bài cũng chỉ có 1 câu – câu kết thúc bài văn. Thân bài gồm có 4 đoạn văn ngắn.  + Câu c.Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.  + Câu d.Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?  GV lưu ý HS: Trong bài văn tả phong cảnh, trọng tâm là miêu tả đặc điểm của phong cảnh. Việc đan xen bộc lộ cảm xúc giúp người đọc hiểu được rằng cảnh vật nơi đây gợi cảm xúc cho mọi người hoặc cảnh vật được miêu tả qua cảm nhận riêng của người viết. | - HS đọc  - Lắng nghe  - HS làm việc cá nhân: Đọc bài văn Đà Lạt, chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi. Sau đó trao đổi và thống nhất câu trả lời theo cặp  - HS trả lời. VD: Bài văn tả đặc điểm cảnh vật thiên nhiên của thành phố Đà Lạt./Bài văn tả cảnh đẹp của Đà Lạt.   |  |  | | --- | --- | | Mở bài: (Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.) | - Mở bài chỉ có 1 câu nhưng giới thiệu được một cách khái quát những cảnh sắc tiêu biểu và đặc điểm nổi bật:  - Thành phố ngàn hoa  - Nổi tiếng về hồ trong xanh, thông mơ màng.  (Mở giới thiệu khái quát về sự nổi tiếng của thành phố Đà Lạt) | | Thân bài: Gồm có 4 đoạn văn. | - Đoạn 1: Tả bao quát đặc điểm của Đà Lạt (độ cao, khí hậu, cảnh vật đẹp). | |  | - Đoạn 2: Tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông của Đà Lạt | |  | - Đoạn 3: Tả bầu trời và những hồ nước ở Đà Lạt. | |  | - Đoạn 4: Tả những vườn hoa và vườn rau của Đà Lạt. | |  | (Thân bài miêu tả từng vẻ đẹp của cảnh vật Đà Lạt.) | | Kết bài: (“Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn bồng lai tiên cảnh”.) | - Kết bài chỉ có 1 câu ngắn gọn, cô đọng nhưng nói lên được cảm nhận, lời ca ngợi đầy ấn tượng về phong cảnh của Đà Lạt.  (Kết bài khẳng định vẻ đẹp, sức hấp dẫn kì diệu của Đà Lạt.) |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi | Vị trí địa lí | Đà Lạt nằm trên độ cao 1 500 mét so với mặt nước biển, nơi nghỉ mát lí tưởng | | | Khí hậu | Đà Lạt mát mẻ quanh năm, không khí mát lành. | | | Cảnh vật | - Thác nước: như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ.  - Dòng suối (suối Vàng): có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào, chia nước cho những con suối nhỏ rì rào...  - Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.  - Bầu trời: không chút gợn mây trong nắng ấm, luôn thẳm xanh một màu ngọc bích; màu trời xanh phản chiếu xuống những mặt hồ...  - Những hồ nước: trong suốt như pha lê. | | | Vẻ đẹp do con ng ư ờ i tạo nên | Vườn rau | Những vườn rau xanh tươi | như khoác cho thành phố Đà Lạt xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ. | | Vườn hoa | Những vườn hoa muôn hồng ngàn tía | | Hương hoa lá | Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng. | |   + Trong bài văn, tình cảm của tác giả đối với cảnh vật được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét: cảnh đẹp đến nao long, là nơi nghỉ mát lí tưởng, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ, thành phố xinh đẹp, dễ chịu vô cùng,…  - Lắng nghe |
| Luyện tập | 2. Trao đổi vể những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh  **-** GV tổ chức hoạt động cho HS xác định yêu cầu nhiệm vụ: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh  - GV chia nhóm cho HS thảo luận theo nhóm bốn người.  - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án  - GV chiếu phần ghi nhớ  Bài văn tả phong cảnh thường gồm 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.  + Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.  + Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.  - GV yêu cầu HS nhắc lại phần ghi nhớ. | - HS đọc nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm 4.  - Đại diện nhóm trình bày  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc |
| Vận dụng | - GV: Nêu điều em học tập được từ bài văn tả cảnh Đà Lạt.  - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động Vận dụng  + Sưu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo,...).  + Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã  - GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 9  - GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 9 thú vị, dễ nhớ.  - GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.HS đọc trước Bài 10 | - HS chia sẻ  - Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà  + Đọc – hiểu: *Trước cổng trời.*  + Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa.  + Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh.  - HS chia sẻ |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 32**

**ĐỌC: KÌ DIỆU RỪNG XANH ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng và diễn cảm bài Kì diện rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

**-** Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem 1 video bài hát “Ta đi vào rừng xanh”  - GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: Theo em chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của chúng ta?  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS  - GV: Chúng ta cần phải tích cực trồng cây, không vứt rác bừa bãi, lên án các hành động chặt phá rừng hủy hoại môi trường...  - Chia sẻ những điều thú vị về rừng theo hiểu biết hoặc theo tưởng tượng của em.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr.51, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc: Bài Kì diệu rừng xanh tiếp tục nói về thế giới thiên nhiên kì thú: đó là cảnh rừng xanh với những cảnh sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Các em hãy quan sát tranh minh hoạ và đọc bài để cảm nhận vẻ đẹp của rừng. | - HS lắng nghe bài hát  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS trình bày ý kiến trước lớp, các HS khác lắng nghe.  - HS lắng nghe  - HS chia sẻ  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu. |
| Khám phá | 1. Luyện đọc  - GV đọc mẫu  - GV HD đọc: Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.  - Mời HS chia đoạn  - Mời HS đọc nối tiếp đoạn  - GV hướng dẫn đọc:  + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: loanh quanh, nấm dại, lúp xúp, lâu đài, ánh nắng,...  + Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, Ví dụ: Tôi có cảm giác/ mình là một người khổng lồ/ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon.  Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo.  - GV nhận xét  - GV gọi HS đọc nối tiếp đoạn lần 2  - Yêu cầu HS giải nghĩa từ: GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.  Ví dụ:  + Rừng khộp: còn gọi là rừng thưa với những cây lá rộng, rụng lá vào mùa khô.  + Mang (hoẵng): loài thú cùng họ với hươu, nai, sừng nhỏ, có hai nhánh; lông màu vàng đỏ.  *-* Luyện đọc đoạn trong nhóm:  + GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 2.  + Các nhóm đọc báo cáo.  - GV nhận xét các nhóm.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  2. Tìm hiểu bài  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Vì sao nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh độ của vương quốc những người tí hon?  + Câu 2: Muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?  + Câu 3: Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là “giang sơn vàng rợi”?  + Câu 4: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV nhận xét và chốt:Bài đọc cho thấy sự kì diệu của rừng xanh, ở nơi đó có những sự vật rất sinh động. Qua đó, ta thấy được tình yêu dành cho thiên nhiên của tác giả. | - HS lắng nghe  - Chia 3 đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”.  + Đoạn 2: Tiếp đến “đưa mắt nhìn theo”.  + Đoạn 3: Còn lại.  - 3 HS đọc  - HS đọc từ khó.  - HS diễn cảm  - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS nêu  - HS lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.  - HS luyện đọc theo nhóm 2.  - HS đọc báo cáo.  - 1 HS đọc  - HS đọc nối tiếp câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  + Nhân vật tôi bị cuốn hút bởi những cây nấm trong rừng, những cây nấm to khác thường (bằng cái ấm tích). Những vạt nấm dại đủ màu sắc rực rỡ, hình dáng của những cây nấm trông như những đền đài, miếu mạo, lâu đài, cung điện... của người tí hon. Nhân vật tôi bỗng dưng trở thành “người khổng lồ” ở vương quốc ấy.  + Muông thú trong rừng được miêu tả: Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Mấy con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non.  => Muông thú thoắt ẩn, thoắt hiện làm cho cảnh rừng thêm sống động, bất ngờ, bí ẩn.  + Nơi đây được gọi là “giang sơn vàng rợi” vì có sự cộng hưởng (kết hợp, tụ hội) của nhiều sắc vàng trong một không gian rộng lớn: lá vàng trên cây, lá vàng rụng dưới gốc, những con mang có bộ lông vàng nâu quyện hoà với ánh nắng vàng,...  + Đoạn 1: Những cây nấm rừng/ Thành phố nấm/Vương quốc tí hon; Đoạn 2: Muông thhus trong rừng/nhịp sống rừng xanh; Đoạn 3: Giang sơn vàng rợi/Cánh rừng thơ mộng  - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................